

VĂN ĐỀ

10307
5531
205

NGUYỄN SỸ TẾ

nghĩ về thanh niên và xã hội

TÙY ANH

tâm sự 63-70

LÊ TÔN NGHIÊM

nietzsche với quan niệm bi kịch
như một giá trị thẩm mỹ

TRẦN THỊ NGH.

chủ nhật

HUỲNH PHAN ANH

thơ

chủ trương : vũ khắc khoan • mai thảo

SỐ 39 • THÁNG 10-1970 • GIÁ 50đ.

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 39

Tháng 10-1970

nguyễn sỹ tế
tùy anh
lê tôn nghiêm

nguyên quân thụ
trần thị ngh
nguyên tất nhiên
ngụy ngữ
du tử lệ
phạm cao hoàng
trần hoài thư
túy hồng
tuấn anh
huỳnh phan anh

- | | |
|----|--|
| 1 | nghĩ về thanh niên và xã hội |
| 7 | tâm sự 63-70 |
| 17 | nietzsche với quan niệm <i>bí kịch</i>
như một giá trị <i>thẩm mỹ</i> |
| 30 | chín đoạn tình rời |
| 33 | chủ nhật |
| 42 | bài thăm một đầu tiên |
| 47 | người trở về ngồi |
| 66 | trong vòng rào thơ ấu |
| 71 | thơ |
| 74 | trong đôi mắt chúa |
| 87 | những sợi sắc không |
| 94 | thời sự và sinh hoạt |
| 98 | thơ |

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: **VŨ CÔNG TRỰC**
QUẢN LÝ: **Bà BÙI THỊ HÒA-KHANH**
BÀI VỞ GỬI CHO: **MAI THẢO**

Tòa soạn: 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

NGUYỄN SỸ TẾ

nghĩ về thanh niên và xã hội

(tiếp theo kỳ trước)

Trong số báo trước, tôi đã bàn về sự khủng hoảng của khoa xã hội học ngày nay: sự trôi dạt của thanh niên học đường, những thực tại xã hội và chính trị mới đã làm đảo lộn khá nhiều quy luật, kể cả quy luật căn bản, của môn học tưởng chừng đã đến hồi vững mạnh đó. Tôi đã xác nhận lại cái cốt lõi « thực tại » và « ước đoán » của ngành học hãy còn nặng tính cách lý thuyết này, hướng theo con đường của khoa kinh tế-học.

Ai ai cũng ước mơ một xã hội hoan ca, mỗi người theo một quan niệm và tín tưởng ở một đường lối thực hiện. Nói cho cùng, mọi khu vực học hỏi của con người cũng đều hướng tới cái mục đích cao viễn là xã hội no lành đó. Bàn về các môn học, ta có thể dễ dàng bảo rằng xã hội học gánh phần trách nhiệm trực tiếp và gần kề đối với lý tưởng kia. Nhưng, bàn về các thành phần xã hội, ta phải công nhận hơn một lớp người, hơn một tổ chức xã hội trong đó thanh niên học đường có một vị thế đặc biệt.

Làm sao và tới giới hạn nào ta có thể nói thanh niên học đường tiêu biểu cho ý thức xã hội, nói rộng ra theo G. Lukacs là « ý thức của ý thức » ?

Trước hết, có hai lý lẽ biểu kiến nằm ngay trong các danh từ : đó là những thanh niên và những thanh niên đó xuất xứ ở học đường. Nói khác đi, tuổi trẻ và sự đào tạo của giáo dục. Trong Vấn Đề số 35, tháng 6-70, tôi có phân tích tâm lý thanh niên học đường, bàn về tính chất của tổ chức sinh viên học sinh, khả năng phát động và lãnh đạo các phong trào văn hóa, xã hội, chính trị của họ. Mang trong tàng sâu của vô thức cái di sản văn minh tinh thần của nhân loại được củng cố bằng giáo dục, say mê lý tưởng, trọng vọng những giá trị, cao viễn họ có thể quên hết tất cả đề « đầu tư » mọi sức lực cho những điều mà họ tin tưởng. Đó là những gì mà quốc dân phải hân hoan đón mừng. Ta cũng biết cái thế yếu kém của tổ chức thanh niên học đường, tính lỏng lẻo của tuổi trẻ, và nhất là sự thiếu kinh nghiệm chính trị của họ. Đó lại là những gì mà quốc dân lo ngại.

Trong số báo trên, tôi cũng có nêu ra vấn đề, sự quy nhập thanh niên học đường vào hàng ngũ những người làm cách mạng, cũng cốt cán như những thành phần cách mạng khác. Vấn đề chưa có giải đáp lý thuyết vì có quá nhiều giả thiết và vì những khó khăn vừa nêu ở trên đây. Vấn đề dường như cũng chưa được thử thách trên thực tế khi mà nó còn quá mới.

Vấn đề nêu lại trên đây kỳ thực là thể biến của một vấn đề rộng lớn, thực tế và phổ thông hơn : sự liên minh xã hội của thanh niên học đường. Liên minh của họ với thành phần xã hội nào là liên minh tốt đẹp nhất ? Ta chớ nên quên mục tiêu chính yếu văn hóa và đặc tính căn bản luân lưu của tổ chức

thanh niên học đường. Ta cũng đã biết sau học đường, thanh niên phân tán vào rất nhiều môi trường xã hội khác nhau. Có những môi trường còn mang tính chất văn hóa nhưng cũng có môi trường dường như không còn liên lạc với văn hóa nữa. Thành ra cái tương quan tổ chức thanh niên học đường với các thành phần xã hội khác cũng rất phức tạp. Xét như thế, sự liên minh có thể có và nếu có là sự liên minh với những thành phần xã hội làm văn hóa. Đó cũng là lẽ « đồng thanh khí » vậy. Ta phải bỏ ngoài những tổ chức văn hóa chính quyền vì lẽ thanh niên học đường đương nhiên không ở về phe chính quyền trong một chế độ chính trị thực sự dân chủ. Ta cũng bỏ ngoài những tổ chức văn hóa có tính cách thuần túy, chuyên môn, nghiên cứu, sưu tập... những tổ chức này lạnh lẽo, âm thầm, thiếu sinh khí chính trị và xã hội, bởi lẽ cái văn hóa mà thanh niên học đường theo đuổi là thứ văn hóa sinh động, không chối bỏ chính trị và xã hội. Rút lại chỉ còn những lớp người còn liên lạc với thanh niên học đường là những nhà giáo, những người làm nghề tự do, luật sư, bác sĩ, những tư tưởng gia, những văn nghệ sĩ...

Đã từ lâu một ông bạn của tôi muốn đưa ra ý niệm về một thứ « tân-sĩ-phu » mà ông muốn đối chiếu với lớp « người trí thức » tây phương và muốn chứng minh sự hiện diện thường trực bằng những quy luật của lịch sử. Tôi nghĩ đó cũng là một « điển hình xã hội » rộng rãi, tự do, không ràng buộc pháp lý, bình thời không làm ai để ý tới, nhưng vào những giờ khắc nghiêm trọng của lịch sử khi phải nhập cuộc, chọn đường, định thái độ đã chứng tỏ sự hiện diện một cách hùng hồn mạnh dạn. Tôi cũng nghĩ rằng đại lược lớp sĩ phu này tương ứng với cái thể liên minh xã hội của thanh niên học đường nói trên kia. Trong viễn tượng lịch sử này, nếu có dị biệt giữa những thành phần của liên minh thì có lẽ đó chỉ là ở tuổi tác : thanh niên học đường là những sĩ phu tương lai, sĩ phu tập sự của đất nước.

Nhưng mà làm thế nào để thực hiện cái thể liên minh xã hội này ngoài những điều kiện ngoại tại là lịch sử, là tình thế? Vấn đề đặt ra là sự quy nhập thanh niên học đường vào những thành phần còn lại của liên minh mà ta đã mệnh danh là sĩ phu. Và đây quả là một vấn đề khó khăn đòi hỏi rất nhiều thiện chí từ cả hai phía cùng với những kỹ thuật tinh vi của khoa xã hội học. Nếu như những trí thức trưởng thành và có nhiều kinh nghiệm chính trị xã hội chưa sắm nổi vai trò của mình thì làm sao họ đòi hỏi ở thanh niên học đường sắm đúng vai trò của họ? Nếu ta quên cái tốt mà chỉ phàn nàn về cái xấu của thanh niên, ta đã tỏ ra bất công khi mà chính chúng ta cũng còn quá nhiều cái xấu. Người ta nói trách nhiệm tinh thần của lớp người đi trước cũng là hợp lý, hợp tình vậy. Nếu có những thanh niên hủ hóa mau lẹ bởi kim tiền và địa vị thì cũng có những trung niên gian ngoan lợi dụng lớp đầu xanh cho những mục phiêu vị kỷ của họ. Làm sao cho tiếng nói của hai loại người này không còn vọng lên nữa, liên minh kia mới thành. Hai bên đòi hỏi chính mình trước đã nhiên hậu mới có thể đòi được cái khung cảnh xã hội thuận lợi cho sự phơi bày ý thức của mình: những phương tiện thông tin dồi dào, những tự do cần bản, những bảo đảm kinh tế. Bằng không chỉ một sức mạnh nhỏ bé có tổ chức cũng đủ khuynh đảo chúng ta.

Bất luận một sự quy nhập xã hội nào cũng đòi hỏi sự gạt bỏ thành kiến, sự nghi kỵ lẫn nhau giữa những thành phần quy nhập. Tiếp đến là một mẫu số chung, nếu không là một lý tưởng chung để gắn bó. Chúng ta đã gặp gỡ nhau ở ước muốn một xã hội hoan ca, ở nỗ lực xác định và thực hiện xã hội lý tưởng; chúng ta phân tán nhau sau đó; chúng ta lại phải đi tìm ngay những đồng quy gần kề và liên tục. Một trong những đồng quy đó, tôi nghĩ, là sự vượt thoát (dépassement) mà ta có thể mệnh danh là sự tiến bộ: vượt chính mình, vượt thời đại mình, vượt những tư tưởng đã có, vượt những thực tại chính trị và xã hội chung quanh.

Nói về sự vượt thoát là nói đến cả hai khía cạnh suy tư và hành động đích thân của từng cá nhân, từng ý thức. Chân lý thật là xưa cũ nhưng mãi mãi vẫn có thể đứng của nó. Ngoại giả chỉ là lười biếng tinh thần, sự đầu hàng tư tưởng, sự a dua kẻ khác, sự trốn tránh trách nhiệm, sự lừa dối chính mình, sự đắm chìm trong ma túy chính trị và xã hội. Kết quả thảm hại cuối cùng là thay vì giải phóng, ta đi vào nô lệ.

Mỗi thanh niên phải nhìn xa, trông rộng, học hỏi luôn luôn, tự khám xét mình, tự khám phá vũ trụ nhân sinh, đích thân điều tra chính trị và xã hội... Trên những dữ kiện thật dồi dào, suy nghĩ lại tất cả mọi vấn đề của con người. Lấy hành động để kiểm soát và sửa chữa tư tưởng, không bao giờ thỏa mãn với cái đã có, giữ ý thức mãi mãi thức tỉnh và sẵn sàng ngỗ hầu nhận định đúng và tương thông với các ý thức khác.

Khi ta đã nhận thức với ý thức tự do khỏi mọi áp lực một chân lý nào đó cho tới cái nguyên ủy sâu xa của nó thì chân lý ấy là của ta dù cho nó đã được phát biểu bởi các danh nhân trước ta. Vì tình yêu chân lý, ta phải trút bỏ hết mọi mặc cảm. Một tương thông ý thức chân xác phải hồn nhiên liên kết các ý thức độc lập và tự do. Danh từ « ý thức của ý thức » trên kia bỗng nhiên trở thành một khẩu hiệu tự thể hiện cho những thanh niên học đường nào mưu cầu công nghiệp lớn lao và trảng cửu cho quê hương, muốn tự quy nhập mình vào cộng đồng xã hội. Sẽ thừa chẳng khi tôi nhắc nhở thêm rằng bên cạnh những đức tính sĩ phu với ý thức trách nhiệm xã hội tới cao độ ta cũng nên suy ngẫm về những đức tính trí tuệ cũng như đạo đức mà ai nấy đều biết về tinh thần khoa học tây phương trong đó ta phải kể lòng minh trực của trí thức, tình yêu chân lý và nhân loại.

Căn cứ trên những khám phá của tâm lý chiều sâu ngày nay tôi có thể phác họa sự « bừng tỉnh dậy của ý thức » như sau: Cứ cố gắng thường xuyên suy tư, hành động, chiêm nghiệm thì những gì suy luận thấu đáo sẽ lắng đọng xuống vô thức của

Chính bản sắc đó đã làm cho những phong trào này mang hình ảnh một thái độ *dấn thân có tính cách từ mệnh*. Dấn thân vì sự sống còn chung và từ mệnh đối với những thế lực đang xung đột, bế tắc.

Đấu tranh bằng thái độ đó quả thực là khó khăn. Khó khăn gấp đôi, gấp ba những người vì một lý do nào đó nên đã « bẻ nào thì cũng phải chọn một » để cho yên ổn tâm hồn, và đồng thời đã làm trầm kha thêm những bế tắc, xung đột đang lôi cuốn cả dân tộc vào đường phiêu lưu đòi hỏi quá nhiều máu và nước mắt.

Trong quá trình dấn thân có tính cách từ mệnh vừa nói, hình ảnh của người thanh niên, vốn hiếm hoi trong hoàn cảnh này, đã không hề vắng thiếu lần nào.

Và bởi lý đã dấn thân trước tiên vì lương tâm và tình tự cho nên những điều nói dưới đây sẽ chỉ là một phần tình riêng tư. Đối thoại đã bế tắc thì chỉ xin được tâm sự...

Trong một xứ sở đang có chiến tranh thì thành phần dấn thân có tính cách chính trị quả rất hiếm, không phải vì thiếu ý chí nhưng mà thiếu người. Môi trường tranh đấu mà thanh niên được đòi hỏi dấn thân là chiến trận.

Học đường không còn là cửa ngõ dẫn đến vinh thân phì gia nhưng là dẫn vào quân trường, dẫn ra mặt trận. Quân trường, trại lính đã thu hút hết những « trai thế hệ ». Thành phần còn lại chỉ là những kẻ đang được triển hạn sống, đang được hoãn dịch, đa số là vì lý do học vấn. Những thanh niên có máu « tranh đấu » đã buộc lòng phải đấu tranh vì lương tâm và vì chính quyền lợi của họ. Điều này phần nào đã giải thích tại sao những phong trào đấu tranh của thanh niên chỉ nhen nhúm từ các đại học, trung học.

Từ năm 1963 đến nay, thanh niên đã là chủ lực của các phong trào tranh đấu. Chủ lực nhưng không phải là chủ động. Cho nên,

nghĩ về những phong trào tranh đấu của thanh niên, sinh viên, học sinh cũng chính là nghĩ chung về các phong trào tranh đấu về phương diện chính trị và dân tộc.

Hòa bình Genève đến như một cửa trời cho. Thanh niên đã có một thời gian dài để lo học hành, lo chuẩn bị cho tương lai của chính mình.

Tuổi trẻ vẫn thích phóng dật và cũng nhiều thiện chí, hăng say, nhất là những người có đôi chút ưu tư và hoạt động. Số này chẳng nhiều, nhưng bao giờ cũng là chủ động.

Nhưng đệ nhất Cộng Hòa đã không tạo được những cơ hội tốt để cho thanh niên sử dụng năng lực, cũng không có những cơ hội hấp dẫn cho họ sa đọa, trùu chán, vị kỷ nữa.

Hoàn cảnh chính trị xã hội ngày ngật, bầy nhầy đã làm cho thanh niên thiếu kiên nhẫn. Họ lại còn bị ngựa ngáy khó chịu vì những hình thức cai trị và lối cuốn quần chúng, lối cuốn thanh niên một cách quá trắng trợn và vụ hình thức của chính quyền. Tổ chức thanh niên trong cũng như ngoài học đường chỉ hoạt động lầy lè. Tổ chức Thanh niên Cộng Hòa lại gồm toàn những thanh niên « cụ » chỉ biết hoan hô, suy tôn và xu nịnh. Thậm chí, những giáo chức Đại học mà cũng xum xoe bộ đồng phục Kaki xanh thì thực là hết chỗ nói.

Thời gian này cũng là thời gian mà phong trào « văn chương đen » xuất hiện ở Sài Gòn và phong trào hướng về triết lý hiện sinh phát xuất từ Đại Học Huế. Tác dụng chính trị của những phong trào này có thể là làm cho tầng lớp thanh niên lãng quên phần nào những bứt rứt, bất mãn đối với chế độ đang càng lúc càng sa đọa. Nhưng đồng thời, những phong trào đó lại cũng đã trở thành phương tiện ít nguy hại để chống lại văn hóa nhân vị tạp nhạp, nghĩa là gián tiếp chống lại chế độ.

Tựu trung, thanh niên vẫn chưa tìm thấy một môi trường hoạt động cụ thể và tích cực nào mặc dù thanh niên vốn là tầng lớp vừa rất nhạy cảm trước những sai lầm chính trị, kinh

tế, xã hội và mặc dù hoàn cảnh đang đẩy họ đến chỗ thiếu kiên nhẫn và khát khe với hệ thống lãnh đạo quốc gia đương thời.

(Q)

Bỗng nhiên, phong trào Phật Giáo bùng nổ vào tháng 5-1963. Trước nay, Phật giáo Việt Nam vẫn bị dồn vào thế phải mặc nhiên chấp nhận phong thái yếm thế, chỉ hợp với tuổi già hơn lớp trẻ, chỉ lo cho người chết hơn kẻ sống. Nay thì Phật giáo đã vùng lên dù chỉ với một danh nghĩa phi chính trị: bảo vệ tín ngưỡng. Nhưng bảo vệ cũng là một cách chống lại, và Phật Giáo đang chống lại chế độ trong tư thế nhẫn nhục và tuần giáo.

Thế là thanh niên đã có cơ hội dẫn thân, vì tín ngưỡng một phần, vì ý thức chính trị một phần khác. Vì vậy, dù Phật Giáo đã tự giới hạn cuộc vận động của mình vào mục tiêu bảo vệ tín ngưỡng chứ không đặt vấn đề tranh chấp chính trị với chế độ nhưng ngay trong cuộc xuống đường đầu tiên của Sinh Viên Phật Tử Huế, người ta đã thấy xuất hiện một câu biểu ngữ rất chói tai: « Chúng tôi đòi hỏi chính quyền phải có một chính sách dựa trên bình đẳng tôn giáo và công bằng xã hội ».

Với ý thức tôn chính đó, thanh niên sinh viên, học sinh toàn quốc đã nhập cuộc với Phật Giáo mãi cho đến ngày chế độ đệ nhất Cộng Hòa sụp đổ.

Sự sụp đổ của đệ nhất Cộng Hòa đã giải quyết xong vấn đề tôn giáo mà Phật Giáo đã đặt ra. Đúng hơn là đã mặc nhiên xóa bỏ vấn đề chứ chẳng giải quyết gì cả. Những ước vọng tự do chính trị và công bằng xã hội thì vẫn còn dang dở trong khi khí thế đấu tranh của thanh niên vẫn còn nguyên vẹn, nếu không muốn nói là tăng tiến thêm.

Nhưng chính quyền đã rơi vào tay những người vốn không có khuynh hướng cách mạng: những quân nhân chuyên nghiệp. Chính phủ Nguyễn ngọc Thơ chỉ là một cái thùng vung vè, vô tình hay

cố ý làm cho quần chúng xa rời chính quyền của nhóm « Quân Nhân Cách Mạng » và đồng thời mở đường cho những cuộc tranh chấp quyền hành ngày một bi thảm.

Mỹ tuy có « góp phần » lật đổ đệ nhất Cộng Hòa nhưng đã không làm gì để tạo cơ hội thuận tiện cho dân chúng và thanh niên có cơ hội làm cách mạng xã hội và chính trị.

Tướng Nguyễn Khánh đã lật đổ Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng nói là để chấm dứt những sai lầm « phản cách mạng » của nội các Nguyễn ngọc Thơ nhưng thực tế ông chỉ là người đã nối tiếp con đường tri trệ và tệ hại của những kẻ tiền nhiệm một cách trầm trọng hơn mà thôi. Bằng chứng cụ thể là Hiến Chương Vũng Tàu. Và tất cả hình như đều nằm trong kế hoạch đáp ứng với một cuộc chiến đang chuyển sang giai đoạn mới: những trận đánh lớn mở màn ở Miền Nam Việt Nam, vụ Maddox-Ticondersga bùng nổ, Bắc Việt bị oanh tạc nặng nề...

Ngô đình Diệm là một người giỏi độc tài nhưng lại dờ dỏng kịch. Ông không thạo đóng kịch, ông chỉ được huyền thoại hóa. Tướng Nguyễn Khánh, trái lại, là một kịch sĩ giỏi nhưng lại chỉ là một nhà độc tài tập sự. Và thế là một lần nữa phong trào đấu tranh lại dấy lên với mục tiêu đấu tranh: đòi hủy bỏ Hiến Chương Vũng Tàu, nhân danh tự do dân chủ để chống quân phiệt chính trị, đòi hỏi Quốc Dân Đại Hội.

Nhưng ý thức hòa bình cũng đã phát hiện qua phong trào chống Hiến Chương Vũng Tàu. Ngày 17-8-1964, trong bài diễn văn kỷ niệm chu niên ngày sinh viên Huế xuống đường chống Ngô đình Diệm lần đầu tiên, Chủ Tịch Tổng Hội Sinh Viên Huế đã có nói « cuộc chiến này thế nào rồi cũng có ngày chấm dứt », điều quan trọng là làm thế nào để cuộc chiến được sớm kết thúc và cho toàn dân được tham dự vào những quyết định chiến cũng như hòa. »

Có thể nói chính trong cuộc tranh đấu chống Hiến Chương Vũng Tàu mà những mục tiêu của phong trào lần đầu tiên được nói lên cụ thể. Kết hợp dân chủ với cách mạng để có tự quyết;

có tự quyết để chủ động chiến, hòa ; chủ động chiến, hòa để chiến tranh sớm kết thúc trong tinh thần hòa giải dân tộc.

Thái độ chống những quân nhân nhiều tham vọng chính trị, chống chế độ cũ, chống độc tài và chống Mỹ, nói cho cùng đã bắt nguồn từ viễn tượng đấu tranh dân tộc đó chứ không hẳn vì một màu sắc chủ nghĩa nào.

Thế rồi Hiến Chương Vũng Tàu bị hủy bỏ. Tướng Nguyễn Khánh tự đã đảo chính mình để mong lùi một, tiến ba bằng cách tạm thời nhường quyền lãnh đạo quốc gia lại cho một chính quyền dân sự.

Chiến cuộc ngày một khốc liệt, Mỹ đổ quân vào ngày một ồ ạt. Các đoàn thể chủ chiến được thành hình rầm rộ để lãnh phần tham dự chiến tranh, theo đường hướng chống Cộng. Chính quyền dân sự chỉ là một tấm bình phong quá mong manh có tính cách quá độ chứ không thể nào hội đủ điều kiện để thỏa mãn những yêu sách thời cuộc đang ngày một chìm sâu trong khói lửa.

Tất cả những sự kiện đó tất nhiên mở màn cho sự trở lại chính quyền của các quân nhân vừa nhiều tham vọng chính trị, vừa thích hợp với nhu cầu chiến tranh. Chế độ dân sự cáo chung sau một cuộc biến động ngắn ngủi và vô nghĩa. Chế độ Ủy Ban thành hình.

Dân chủ, tự quyết, cách mạng xã hội phải xếp lại một bên. « phải hai năm nữa để giáo dục dân chúng rồi mới có thể tổ chức bầu cử tự do ». Đó là lời tuyên bố của chính quyền Ủy Ban sau cuộc họp Việt Mỹ ở Honolulu tháng 2-1966. Dân chúng muốn cách mạng xã hội, chính quyền sẽ làm cách mạng xã hội bằng... Chính phủ của dân nghèo và bằng Bộ Xây Dựng Nông Thôn.

Quân đội thực sự trở thành « cha dân » như Tướng Nguyễn Khánh từng nói. Các cá nhân và đoàn thể chịu phục vụ chiến

tranh đã được nuôi dưỡng phủ phê nhờ một phong trào tham những công khai, trắng trợn.

Nhưng nếu chế độ Ủy Ban thành lập ngày 19-6-1965 đã tạm thời ức chế được phong trào tranh đấu bằng cách này hay cách khác thì lại đã không thanh toán được hết những xung khắc nội bộ, tranh chấp quyền hành đang ngày một bành trướng vì nạn lãnh chúa. Sự kiện này đã tạo cơ hội cho phong trào tranh đấu âm ỉ bấy lâu bùng lên một lần nữa vào tháng 3-1966 nhân vụ tướng Nguyễn chánh Thi bị cách chức Tư Lệnh Vùng I Chiến Thuật.

Mục tiêu của cuộc đấu tranh lần này là Quốc Hội Lập Hiến, là Hiến Pháp.

Nhưng qua kinh nghiệm cuộc bầu cử Hội Đồng Tỉnh Thị năm 1965, hơn ai hết chính quyền đã thấy rõ thực hiện Quốc Hội Lập Hiến tức là thừa nhận dân chủ, thừa nhận dân chủ tức là thừa nhận quyền quyết định của dân chúng mà hậu quả đầu tiên là chế độ Ủy Ban sẽ bị cáo chung, kế hoạch chiến tranh có thể sẽ bị ngăn trở trong lúc kế hoạch này đang tiến hành dở dang.

Cho nên, bằng bất cứ giá nào cũng phải đập tan phong trào vận động dân chủ dù phải gây nội chiến. Và phong trào này quả đã bị « đập thất hòng » sau mấy tháng khởi động khắp toàn quốc.

Phong trào vận động dân chủ bị triệt hạ rồi thì việc thực hiện Quốc Hội Lập Hiến, thực hiện Hiến Pháp chỉ còn là việc « mùa gặt vườn hoang » của chính quyền và các thế lực hỗ trợ chính quyền, phục vụ chiến tranh. Thực tình mà nói những cuộc bầu cử năm 1966, và nhất là những cuộc bầu cử năm 1967, chỉ là những giai đoạn hợp thức hóa chế độ Ủy Ban được thành lập từ năm 1965, và do đó, chỉ là một cách hợp thức hóa kế hoạch giải quyết chiến tranh theo quan điểm quyền lợi riêng.

Hiến Pháp 1967 là một hiến pháp có tính cách tiêu cực chống Cộng, nghĩa là một hình thái đáp ứng nhu cầu chiến

tranh giai đoạn. Không hiểu những thành phần được Hiến Pháp này ủy thác quyền hành quốc gia có hề nghĩ rằng số phận tương lai của mình chỉ là số phận một điểm tựa được hợp pháp hóa trong kế hoạch giải quyết cuộc chiến mà họ chỉ là những kẻ thừa hành?

Và ngay từ phút đầu, những người được Hiến Pháp ủy nhiệm quyền hành, hay đúng hơn, được hợp thức hóa quyền hành, cũng đã bị cô lập với quần chúng không chỉ bằng những phong trào « tây chay » bầu cử mà bằng cả những biến cố khác như phong trào chống bầu cử gian lận, như cuộc xuống đường của Thượng Tọa Trí Quang, và chiến dịch chống Sắc Luật 23/67 của Phật Giáo.

Tình trạng đó kéo dài cho đến vụ Mậu Thân đầu năm 1968. Nhưng đến lúc đó thì Hội Đàm Ba Lê đã mạnh nha đề đưa chiến cuộc, và đưa cả dân tộc vào một khúc quanh mới.

Những phong trào đấu tranh từ sau khi Hội Đàm Ba Lê khai diễn, xét cho cùng, chỉ là sự nổi tiếp rời rạc của những phong trào vận động có trước, phát xuất từ sự nồn nóng muốn thấy cuộc chiến khốc hại này sớm chấm dứt mà thôi.

Cho nên, nếu mục tiêu nổi bật của phong trào 1963 là dân chủ, của phong trào 1964 là cách mạng xã hội, của phong trào 1966 là tự chủ, tự quyết... thì điểm nổi bật của những phong trào từ năm 1968 đến nay là hòa bình theo một quan điểm này hoặc quan điểm khác.

Tất cả những phong trào này đều hàm ẩn một mục tiêu, một ước vọng thâm trầm chẳng mấy khi được nói ra, hoặc chỉ nói ra một cách gián tiếp bằng hai tiếng *dân tộc* mà thôi. Ước vọng thâm trầm đó chính là *độc lập quốc gia*.

Tình trạng qua phân của Việt Nam có thể nói là hậu quả của một công nghiệp lịch sử. Ước vọng tối thiểu của những người tranh đấu từ năm 1963 đến nay là Nam Việt Nam trước tiên phải được sống và phải được tôn trọng như một « nước »,

chứ không phải chỉ là sự nổi dãi của tình trạng bị trị, áp bức dưới danh nghĩa khác, hoặc chỉ là môi trường của nội chiến kèm thêm một chiến tranh ủy nhiệm có tính cách quốc tế.

Kết hợp dân chủ với cách mạng để tranh thủ độc lập, tạo điều kiện kết thúc chiến tranh, thực hiện công bằng xã hội, bình đẳng kinh tế, để tranh thủ độc lập quốc gia : Đó là lý luận hành động của các phong trào tranh đấu từ năm 1963.

Nhập cuộc, dân thân bao giờ cũng hàm ẩn một quyết định lựa chọn, một ý chí cải tạo và một lòng tin vào khả thể tiến bộ.

Nguyên nhân ung thối của xứ sở này là dục vọng và hận thù. Nói theo ngôn từ chính trị là đô hộ, bị trị, nghèo đói, bất công, độc tài. Ý chí cải tạo nào cũng phải dựa trên sự tin tưởng theo đó những điều vừa kể chỉ là những trở ngại hữu thi, hữu hạn chứ không phải là những thực tại bất trị và bất biến. Chống trở ngại đó, dù theo quan điểm chính trị nào đi nữa thì cũng phải bằng những hành động tiến bộ chứ không phải là cố chấp, sắt máu và độc tài. Giết người vẫn dễ hơn thắng phục người, cũng như trước một hiểm họa người ta vẫn thường dễ sợ hơn là dễ can đảm.

Sau hết, muốn tìm đến tận hậu cứ của thù hận và dục vọng thì không phải chỉ hướng ngoại, chỉ « thừa thắng xông lên » nhưng là phải quay trở về chính mình. Nhưng chỉ có tin ngưỡng mới đề nghị con đường hữu hiệu để trở về với bản ngã, để chế ngự bản ngã. Tranh đấu với chính mình để khắc phục những thù hận và dục vọng của chính mình là một cuộc tranh đấu tối hậu và có ý nghĩa nhất. Điều này giải thích tại sao Phật Giáo lại đã có mặt một cách tích cực trong các phong trào tranh đấu từ năm 1963 đến nay.

Phật giáo dân thân không hẳn vì người Phật Tử hoạt động hoặc ái quốc hơn đồng bào các tôn giáo khác nhưng vì Phật Giáo hàm ẩn một giải pháp tâm linh để cá nhân khắc phục

thân trước và trong khi khắc phục ngoại tại trong tinh thần khoan hòa, tiến bộ.

Và như vậy thì phải chăng, đối với mỗi người Phật Tử, việc thực chứng giải pháp tâm linh đó, ngay cả bằng phương tiện chính trị, là điều cần thiết hơn là việc tranh đấu để lật đổ chế độ này hay phục vụ chủ nghĩa kia ?

tùy anh

04.10.70

LÊ TÔN NGHIÊM

nietzsche với quan niệm *bi kịch* như một giá trị *thâm mỹ*

Trong một di cảo, Nietzsche đã tự hào rằng : « Tôi là người đã khám phá ra *Bi kịch*. Đó là điều chính những người Hi Lạp cũng đã lãng quên, chỉ vì họ mang nặng đầu óc *phiến diện* của những kẻ giảng đạo đức. » (C'est moi qui ai découvert le tragique. Les Grecs, grâce à leur tempérament superficiel des moralistes, ont méconnu le tragique — *La Volonté de puissance*).

Thái độ đạo đức đó phát nguyên từ một thái độ được ông gọi là « *biện chứng* » Gilles Deleuze giải thích thái độ đó như sau : « *biện chứng* không phải một nhãn quan *bi kịch* về cuộc đời, mà trái lại là một sự chết cho *bi kịch* ». (La dialectique en général n'est pas une vision tragique du monde, mais au contraire la mort de la tragédie).

Biện chứng là thái độ lý thuyết phát minh từ Socrate, qua Platon, truyền xuống Ky-Tô giáo và Hegel.

Sở dĩ Nietzsche muốn đề nghị một nhãn quan *bi kịch* là để đối lập nhãn quan *biện chứng* của truyền thống triết lý Hi-Lạp

và Tây phương, vì bị kịch đã bị chết ba lần vì biện chứng: lần thứ nhất nó đã chết vì biện chứng của Socrate và Euripide, lần thứ hai vì biện chứng của Ky-tô giáo, lần thứ ba vì biện chứng của Hegel và của Wagner đồng thời.

Nói chung, biện chứng chủ trương khinh thị, hạ giá cuộc đời và con người để đề cao những giá trị « ảo tưởng » của lý giới bắt nguồn từ Platon. Thái độ ấy thường được Nietzsche gọi là thái độ tôn thờ những lý tưởng như những thần tượng ở bên ngoài con người và bên ngoài cuộc đời. Nhưng đó là một thái độ tiêu cực, ảo tưởng mang tên « Duy niệm » (Idéalisme theo nghĩa xấu).

Trong quyển « Người rất người » (Hume trop humain), Nietzsche đã phủ nhận triệt để và gay gắt, lắm khi lỗ mãng đối với mọi hình thức duy niệm. Rồi trong « Đây là con người ấy » (Ecce Homo), ông còn xác nhận thêm rằng : « Những gì các Ngài coi là lý tưởng, thì tôi chỉ coi là những gì người (hay tâm thường) và hỡi ôi ! rất người (hay rất tâm thường). » (Là ou vous voyez de l'idéal, je ne vois que des choses humaines, des choses humaines !).

Với Eugen Fink, ta mới nhận ra được đích xác quan niệm biện chứng duy niệm mà Nietzsche muốn trình bày và chống đối vì theo Fink, với nhan đề « Người rất người » ta đừng lầm tưởng nhan đề ấy chỉ có một nghĩa không quan trọng bao nhiêu nghĩa là như thể quyển sách này chỉ nhằm phá hủy những khuyết điểm những hèn yếu của con người hay đúng hơn như thể quyển sách chỉ bàn tới những động cơ vô nghĩa của tâm trạng kiêu của con người mà thôi.

Không ! chủ đề nền tảng của quyển sách chính là chủ đề sau đây : những gì được coi là « siêu việt » thực ra lại chỉ những ảo tưởng quá tầm thường của loài người, vì con người không thể nhìn thấu vào trọng tâm của vũ trụ được như nhà siêu hình học tin tưởng, nghĩa là họ không thể biết được sự vật tự nội, vì nếu tin tưởng vào một sự vật tự nội hữu ở bên ngoài sự xuất hiện hiện tại của sự vật, và sự vật tự nội ấy trước kia bị che giấu, bây giờ mới được triết

phanh phui ra, thì sự tin tưởng ấy chỉ là một mê tín của các nhà siêu hình học ». Thế rồi Fink còn trích dẫn chính ý tưởng của Nietzsche để giải thích : « chúng ta chỉ nhìn vạn vật với đầu óc của một con người và không thể chặt cái đầu ấy đi được. Nhưng thắc mắc thường xuyên của ta vẫn phải là hỏi xem, những gì còn lại cho cuộc đời này nếu người ta đã chặt cái đầu ấy đi thật sự ? Đó là một vấn đề thuần túy khoa học nhưng lại không được người ta đề ý bao nhiêu. Trái lại tất cả những gì từ trước tới nay đã làm cho những giả thuyết siêu hình học trở thành quý báu, kinh khủng, mà lại buồn cười nghĩa là những gì đã sáng tạo nên chúng thì lại chỉ là đam mê, sai lầm và lừa đảo chính mình. Đó thực là những phương pháp tri thức đòi tẻ nhất chứ không phải hoàn hảo nhất, khi chúng dạy cho người ta tin tưởng như thế ! Nhưng một khi phanh phui ra rằng những phương pháp ấy chính là nền tảng cho mọi tôn giáo và siêu hình học hiện hữu, thì người ta đã phi bác được chúng rồi »

Do đó, Nietzsche còn giải thích thêm về Siêu hình học rằng : « người ta có thể gọi nó là một môn học trình bày về những sai lầm nền tảng của con người, nhưng lại tưởng đó là những chân lý nền tảng. »

Qua nhãn quan của con người « biện chứng duy niệm », hình ảnh con người bị xuyên tạc và bị lăng nhục. Tự chung, giá trị siêu việt đích thực của con người đã bị đem ra phục vụ cho những « lý tưởng siêu việt » giả tạo, ảo tưởng : họ chiêm ngưỡng « những lý tưởng » như những thần tượng và phục tòng chúng như nô lệ. Nhưng những lý tưởng mà họ coi là siêu việt ấy chẳng qua chỉ là những nhà tù bằng giấy giam giữ họ mà họ không biết.

Nên không lạ gì có lần Nietzsche đã tỏ ra gay gắt với lối phân biệt ra lý giới và vật giới của Platon và nhận định rằng : sự phân chia ấy đã đè nặng trên Tây phương như một lời nguyên rủa !

Tự chung chỉ vì khuynh hướng duy niệm ấy đã gây ra trong lòng người một căn bệnh trầm trọng, nan y. Đó là tình trạng vong thân triệt để. Nói tóm, truyền thống Hi Lạp và Tây

phương dưới ảnh hưởng nặng nề của Platon là một khuynh hướng Duy niệm nô thuộc một thế giới lý tưởng ảo tưởng.

Qua hình ảnh « con người tự do » (esprit libre), hoàng tử ngoài vòng pháp luật, biết đu bay nhẹ nhàng như chim (le légèreté de danseur du prince-hors-la-loi) hay sự tử và anh nhĩ Nietzsche muốn giảng thuyết cho bè phái « duy niệm » phải « hồi chánh ». Zarathoustra tự nhận nhiệm vụ của mình là đem duy niệm về « hồi chánh », nghĩa là con người « duy niệm » hãy trở về với chính mình, với cuộc đời, với trần thế, nhĩ Zarathoustra hô hào :

« Hồi chư đệ, hãy trung thành với trần thế, bằng tất cả tiềm lực và đức độ của các ngươi ! Các ngươi hãy đem tình yêu quảng đại và kiến thức ra mà phục vụ cho ý nghĩa của trần thế. Ta yêu cầu các ngươi và van nài các ngươi. Các ngươi đừng để đức độ của các ngươi bay khỏi những thực tại trần thế này và đừng đem đôi cánh đập vào những cửa thương hại (cửa lý giới) ! Thương thay ! đã bao nhiêu đức tính bị đường rồi ? »

Từ thái độ *phủ nhận* và thóa mạ trần thế, Nietzsche muốn con người duy niệm hãy trở về « chấp nhận » một cách *an nhĩ* hùng và hoan hỉ ý nghĩa của trần thế !

Đó là tất cả trọng tâm của quan niệm *bi kịch* mà ông muốn đề xướng !

Nhưng không nên hiểu *bi kịch* theo nghĩa thông thường mà một tấn kịch được trình diễn về một hành động của những nhân vật nổi tiếng, cốt ý gây kinh hoàng hay thương tâm. Trái lại đây, *bi kịch* là một hình thức thẩm mỹ của sự hoan hỉ. khác, cái gì *bi kịch* chính là sự hoan hỉ.

Quan niệm *bi kịch* này đã được trình bày ngay trong tác đầu tiên của Nietzsche tức quyển « sự khai sinh ra *bi kịch* » với tiêu đề « từ tinh thần âm nhạc ».

Quan niệm *bi kịch* ấy thường được Nietzsche gọi là « thần Dionysos » Nietzsche xác nhận : « Quan niệm về tinh thần Dionysos đã gây một tác động như bom nổ » và

Nói thế có nghĩa là trực giác *bi kịch* là trực giác chỉ phối không những giờ khai sinh ra tư tưởng Nietzsche mà còn chỉ phối tất cả những chủ đề xưa nay thường được coi là nền tảng tư tưởng của Nietzsche như *Thần minh đã chết* — *Con người Siêu nhân* — *Ý chí hùng dũng* đề rồi kết thúc và thể hiện trong ý niệm *Phục diễn bất tận*.

Căn cứ vào lý tưởng Hy-lạp cổ xưa, Nietzsche quan niệm : *văn hóa* phải là một hình thức nghệ thuật duy nhất thể hiện trong tất cả mọi biểu thị trong đời sống của một dân tộc », nghĩa là tất cả những biểu thị như lối sống, ăn mặc, thưởng thức của một dân tộc phải có tính cách hăng say và liên hệ với nhau : không phân biệt ngoại tại với nội tại, hình thức với nội dung. Nói khác, trong lối suy nghĩ cũng như trong lối sống, trong những ước muốn và những biểu thị của ước muốn, thấy đều nói lên một sự hòa âm sâu xa.

Từ quan điểm ấy, khi quan sát tinh thần văn hóa hiện đại của Tây phương, Nietzsche nhận thấy rằng : tinh thần *bi kịch* của Hi-Lạp đã biến mất, chỉ còn lại tinh thần của Socrate, vì tư tưởng của Socrate chính là *con người lý thuyết*, tức con người *lý luận* chứng. Họ được trang bị những phương tiện tri thức hùng hậu nhất và hiến thân phụng sự cho khoa học. Họ tự phụ biết rất nhiều, đã học hỏi được rất nhiều. Nhưng theo Nietzsche, biết nhiều, học nhiều, giốn vào đầu óc toàn những ý tưởng hỗn độn là thái độ phản văn hóa. Ông gọi họ là những « trường học làm văn hóa ».

Trong những sáng tác đầu tiên nhất là quyển « Sự khai sinh *bi kịch* » và quyển « Những suy nghĩ ngược thời » (Considérations inactuelles), Nietzsche cố gắng thiết định ra một nền văn hóa đích thực. Ông đã gặp được văn hóa ấy trong Hi-Lạp cổ xưa. Hình ảnh văn hóa ấy đối lập hẳn với nền văn hóa hiện đại của nước Đức, vì văn hóa này mang đầy khuyết điểm.

Vậy Nietzsche đã gặp được những gì trong văn hóa Hi-Lạp cổ xưa ?

Trong bài khai giảng tại Đại học Balê, Nietzsche đã tuyên bố rằng : « Luối gươm của tình trạng man rợ đã treo trên đầu những ai không còn nhìn thấy sự đơn giản vô song và giá trị cao siêu của Hi Lạp cổ xưa ».

Theo Nietzsche, tinh thần bị kịch chính là tấm gương phản chiếu hai đức tính cao cả ấy của dòng giống Hi-Lạp, vì người Hi-Lạp đã nhờ bị kịch mà chịu đựng được cuộc đời và kháng cự lại với thái độ *bi quan*. Năm 1886, khi cho xuất bản quyển « Sự khai sinh ra bị kịch », Nietzsche có ghi thêm một tiêu đề : *Hi Lạp cổ học và Bi quan* » (Hellenisme et Pessimisme). Do đó nhiều người cho rằng : người Hi-Lạp xưa rất *bi quan*. Nietzsche còn nhắc lại rằng : tiêu đề trên là « một tiêu đề ít hàm hồ ».

Thực vậy, người Hi-Lạp xưa rất nhạy cảm và chính sự nhạy cảm ấy đã làm cho họ có một sức chịu đựng đau khổ phi thường. Họ đã chạm trán với những ưu tư và những rùng rợn của cuộc đời. Họ bị giao động phi thường trước những sức mạnh hùng hồ của thiên nhiên. Nên họ mới tin tưởng vào một vị Thần tên là *Moïra* là Thần Định mệnh thống trị loài người trần tục một cách ác nghiệt, không chút tình thương. Huyền sử của họ truyền thuyết rằng : cả những thần *Prométhée*, *Oedipe*, *Oreste* của họ cũng đã bị trừng phạt bởi định mệnh. Do đó một huyền thoại cổ xưa kể lại rằng : vua *Midas* đã từ lâu muốn bắt gặp nhà hiền triết *Silène*, bạn đồng hành của *Dionysos* trong rừng xanh. Đến khi nhà hiền triết ấy sa vào tay nhà vua, vua liền hỏi ông điều gì đáng quý nhất và có ích lợi nhất ở đời này. Nhà hiền triết ấy im lặng, đứng lạnh lùng, bất động như một tên quỷ sứ. Nhưng khi bị nhà vua thúc bách, ông bèn trả lời như sau với một giọng cười ngạo nghễ : « Hồi nói giống phù vân khôn nạn, con cái của tình cờ và của đau khổ, tại sao tụi bay lại buộc ta phải nói những lời không ích lợi chút nào cả ? Điều hoàn hảo nhất ở trần gian này không ở tầm tay với của các người, đó là *đừng sinh ra*, *đừng có trên mặt đất này*, *đừng là gì cả*. Tiếp đó, điều hoàn hảo thứ hai là chóng chầy người hãy chết đi cho xong ».

Đó là bầu không khí đầy bi quan của Hi-Lạp cổ xưa. Có lẽ cũng vì vậy, về sau Nietzsche còn nhắc lại rằng : « trong đó (trong cuốn *sự khai sinh bị kịch*) có một hai cách nói sắc mùi tang chế đặc biệt kiểu *Schopenhauer* ».

Nhưng đó là một trong những điều ông hô hào phải loại bỏ : « Đề nghị định đúng quyền « Sự khai sinh ra bị kịch, » ta sẽ phải quên đi một ít sự việc.

Sau đó, ông nói phải ghi nhận : « hai điều mới mẻ đặc biệt của tác phẩm ấy : trước hết là giải thích về *hiện tượng dionysiaque* nơi người Hi-Lạp, — tôi đã giải thích lần đầu tiên khía cạnh tâm lý của hiện tượng ấy, và tôi đã phanh phui ra một trong những căn bản của tất cả nghệ thuật Hi-Lạp — ; tiếp đó là giải thích của tôi về *khuyñh hướng socratisme*, nghĩa là *Socrate*, công cụ của sự sa đọa Hi-Lạp, *Socrate* được ghi nhận lần đầu tiên như một tiêu biểu của sự sa đọa ». Công cụ gây sự suy tàn cho bị kịch Hi Lạp chính là nền đạo đức : « nhìn chính nền đạo đức như một việc mới lạ, một kỳ dị cao độ nhất trong lịch sử kiến thức. »

Đó chính là bản năng gây suy tàn phản kháng lại cuộc đời, nằm sâu trong học thuyết *Socratisme* cũng như trong tôn giáo Tây phương và trong mọi *khuyñh hướng Duy niệm*.

Để phản kháng lại những khuyết điểm, những hèn nhát, những lừa dối của *khuyñh hướng Duy niệm* ấy, quyển « Sự khai sinh ra bị kịch » đề nghị một thái độ *chấp nhận cuộc đời* một cách cao cả, phát xuất từ một tiềm lực sung mãn, say cuồng như thần *Dionysos*.

Như thế, người Hi-Lạp đã chiến thắng được mặc cảm bi quan nằm sâu trong nội địa của họ, bằng nghệ thuật bị kịch, khi họ sáng nghĩ ra hình ảnh điện *Olympe*.

« Hình như hiện tại đời *Olympe* huy hoàng mở ra trước mắt ta và cho ta thấy những nền tảng của nó. Người Hi Lạp truy nhận và cảm nghiệm những kinh hoàng và những khủng khiếp của cuộc đời ; có lẽ họ sẽ không thể sống còn nếu họ đã không đặt ra được giữa cuộc đời và họ một sáng tạo huy hoàng như giấc mơ — đó là thế giới của điện *Olympe*. ».

Nói khác, « Để chịu đựng được cuộc đời, bất cứ giá nào người Hy-Lạp đã bó buộc phải sáng tạo ra các thần. »

Đó là hai thần Apollon và Dionysos, tượng trưng một bên cho « giấc mơ » (le rêve), một bên cho « sự say sưa ».

Với hai quan niệm ấy để kiến tạo nghệ thuật bi kịch, Nietzsche đã đem vào thẩm mỹ học hai ý niệm mới mẻ vượt trên thẩm mỹ học cổ điển chỉ chấp nhận có ý niệm « đẹp » và « cao cả » (le beau et le sublime), vì theo đó, vẻ đẹp thường thể hiện trong những hình thức có hòa âm của một ngôi nhà, một pho tượng, một bức họa, nhờ ở những kỹ thuật rất đơn giản nhưng đã rất điêu luyện. Đứng trước những vẻ đẹp ấy, con người thường ngạo chúng thường cảm thấy tâm hồn lắng dịu, không còn giao động, ra như tất cả mọi quan năng đều đặt được một thể quân bình hoàn hảo.

Nhưng vẻ đẹp còn được thăng hoa trong cái gì cao cả. Người ta đã nêu ra nhiều nhận định về sự cao cả: Kant gọi nó là một cảm thức tương tự cảm thức về đẹp, nhưng trong đó còn thấy xuất hiện ý thức về *vô hạn* và sự tương tranh giữa trí năng với những giác quan. Nhưng Schopenhauer lại định nghĩa nó là kết quả của một nỗ lực nhờ đó, mỗi khi đứng trước một cảnh vật thù nghịch như sóng gió bão táp hay cảnh tượng hoang dại, mỗi cá nhân tự vươn mình lên trên *ước vọng ham sống* để chiêm ngưỡng chúng một cách thanh bình.

Nói tóm, cao cả ngầm chứa một cái gì vượt khỏi ta, nhưng lại có sức mạnh quyền rũ khích lệ ta hòa đồng với nó dù nó siêu việt ta muôn ngàn trùng. Từ đó tâm hồn ta như giao động, say sưa.

Theo Nietzsche, vẻ đẹp cổ điển thể hiện một cách rõ rệt nhất trong một tình trạng sinh lý là *giấc mơ* vì nó phát xuất từ ý chí của ta khi nó *bị ru ngủ*. Còn cao cả là một *sự say sưa* phát xuất từ ý chí của ta khi nó *bị giao động*.

Đó là hai ý niệm mượn ở lãnh vực sinh lý để rồi được chuyển sang lãnh vực tâm lý. Nietzsche đặt chúng đối lập

nhau để làm nổi bật đến sự đối nghịch giữa hai bản năng thâm mỹ của người Hi-Lạp :

« Hình ảnh đẹp của những thế giới trong giấc mộng tức là những thế giới mà bất cứ con người nào biết sáng tạo như nghệ sĩ lỗi lạc, chính là điều kiện cho mọi nghệ thuật *phổ tạo*. Ông là vị thần của ánh sáng, của minh bạch, của quy luật, của mô thức, của lối bố cục có hòa âm. Ông chính là sức mạnh sáng tạo những hình ảnh trong giấc mơ của con người.

Nhưng hình như không phải Apollon chỉ tượng trưng cho lãnh vực sinh lý mà thôi; do đó, ở đây tư tưởng của Nietzsche chuyển mình một cách đột nhiên sang bình diện khác nghĩa là hình như theo Nietzsche, Apollon không những chỉ sáng tạo thế giới hình ảnh trong giấc mơ của con người mà thôi, mà còn sáng tạo thế giới hình ảnh của cái gì con người thường coi là thực tại nữa.

Nietzsche nói : Apollon, vị thần của *điều khắc* có lẽ « là » vị thần rất thích hợp để thể hiện *nguyên tắc cá nhân hóa* và cử chỉ, cặp mắt của ông biểu lộ tất cả sự hạnh phúc, tất cả minh triết của hình ảnh và hơn nữa tất cả vẻ đẹp của nó ».

Nghĩa là nguyên tắc cá nhân hóa là nền tảng của sự phân chia vạn vật thành những cá vật riêng rẽ. Mỗi sự vật đều đứng trong một không gian riêng biệt. Tất cả đều được tập hợp trong đó, nhưng chúng chỉ có thể tập hợp là khi chúng phân ly, xa biệt nhau.

Schopenhauer đã nhìn thấy rằng : chính sự phân ly, xa biệt nhau thành cá vật riêng rẽ như thế là nguồn suối sinh ra mọi điều có và đau khổ ?

Ảo tưởng Apollon không giải thoát con người khỏi tình trạng cá biệt, riêng rẽ ấy được, nhưng nó lại khích lệ con người biến hóa những ảo ảnh ấy nghĩa là sáng tạo những hình ảnh mới mẻ và hòa âm. Nói khác, ảo tưởng Apollon đẩy

con người sống trong tình trạng một giấc mơ để họ thoát ly những đau đớn do thực tại gây ra.

Nhưng không phải chỉ gợi lên những hình ảnh đẹp, mà còn phải hình dung ra những khía cạnh nghiêm khắc và ác nghiệt của cuộc sống! nhưng phải luôn luôn nghĩ rằng: đó chỉ là *những bảo ảnh*, chứ không phải *những thực tại*.

Như thế, qua tượng trưng của Apollon, người Hi-Lạp tự nhủ rằng: « Tất cả chỉ là một giấc mơ! Ta không muốn cho giấc mơ chấm dứt! Ta còn muốn kéo dài nó mãi mãi! »

Mặc dầu những gì xuất hiện trong giấc mơ rất linh động, nhưng người mơ vẫn có cảm tưởng lơ mơ rằng đó chỉ là những ảo ảnh. Schopenhauer gọi khả năng nhìn thực tại như là ảo ảnh ấy là năng khiếu của một triết gia.

« Tất cả những ai có năng khiếu triết lý đều có tiên cảm rằng: bên dưới thực tại ta đang sống và hiện hữu còn một thực tại khác tiềm ẩn, khác biệt hẳn; chính thực tại của chúng ta chỉ là bảo ảnh ».

Tinh thần Apollon ấy còn chi phối một số hình thức thi ca, Nietzsche trích dẫn một đoạn thơ của Hans Sachs trong Tập « Meister singer » của R. Wagner :

« Hỡi ông bạn, công việc chân chính của người thi sĩ là ghi nhận và diễn tả những giấc mơ của họ. Tôi quyết đáp rằng : ảo tưởng chắc chắn nhất của con người chỉ thể hiện với họ trong giấc mơ : Tất cả nghệ thuật của thi ca và của thi sĩ chỉ là biểu thị chân lý của giấc mơ.

Ngược lại tinh thần Apollon, Dionysos là vị thần của sự hỗn loạn vô bờ bến, của những gì xấu dạng của dòng sông sôi bỏng đầy nhựa sống, của dục tình điên loạn. Đó là vị thần của đêm tối và đối lập với Apollon — thần của nghệ thuật tô tạo, Dionysos còn là thần của âm nhạc. Nhưng ở đây, không phải thứ âm nhạc khắt khe, có quy luật mà là thứ âm nhạc có sức mạnh quyến rũ kích động sự nổi dậy hùng hổ của mọi đam mê.

Nên người Hi-Lạp gọi Dionysos là thần của sự say sưa, một sự say sưa như xuất thần mà những dân tộc cổ sơ tìm thấy

trong những chất ma túy hay trong một số những vũ điệu cộng đồng, hay trong những lúc mùa xuân trở về đem ánh sáng huy hoàng chiếu tỏa trên muôn vật.

Trong những cơ hội ấy « ta thấy bùng nổ lên những cảm xúc say cuồng của thần Dionysos. Rồi càng tăng cường những cảm xúc ấy càng kích động những cá nhân đánh mất mọi ý thức về chính mình ».

Ở đây mọi ý thức cá nhân đều bị tiêu tan mất, mọi người như một tự nhiên cảm thấy mình bị đồng hóa trong tất cả mọi người. Nietzsche gọi đó là « một tin lành truyền bá sự hòa vui cho tất cả nhân loại » (l'évangile de l'harmonie universelle).

Nhưng không phải chỉ có con người hòa giải với con người mà là vạn vật hòa giải với vạn vật. Trước song loan của Dionysos trang trí đầy vòng hoa chiến thắng, những thú dữ như hổ báo, sư tử đều trở nên hiền lành. Bản *Anh hùng ca* kết thúc Hòa tấu khúc thứ chiến của Beethoven là hình ảnh của trạng thái say sưa Dionysos. Nơi đây /những gì có quy luật, điều độ theo tinh thần Apollon đều đã biến mất, vì sức sống triền miên thoát ly mọi quy luật và mọi giới hạn. Sức sống này không lùi bước trước một sức phá hoại nào cả : nó vừa kiến tạo vừa phá hoại đồng thời.

Mọi sự đều say sưa tự hủy chính mình trong đại dương mệnh mông đều kiến tạo những sức sống cho hoàn vũ. Lập tức, nhãn quan ấy mang chiều kích hành tinh : « Con người không còn phải nghệ sĩ mà chính họ là tác phẩm nghệ thuật ; sức mạnh nghệ sĩ của toàn thể thiên nhiên thể hiện ra giữa những ớn lạnh của sự say sưa, để mọi sự bị mất hút vào *thái cực căn nguyên* ».

Nơi con người thể hiện sức mạnh nghệ thuật của toàn diện thiên nhiên. Họ ca vũ, họ hát xướng. Âm nhạc — theo Schopenhauer — chính là nghệ thuật biểu lộ thực tại sâu xa nhất. Họ cảm thấy mình trở thành thần. Họ tự biến thể thành hình ảnh linh động của thần. Họ trở thành tấm đá cẩm thạch bằng xương bằng thịt đề tượng hình của thần thánh được điêu khắc trên đó. Họ là giấc mơ trở thành người sống, trong sự say sưa có

sức tiêu diệt cá tính của họ, để họ đón nhận tất cả những đau khổ của vũ trụ. Một khi sự đau khổ của vũ trụ được đón nhận trong ý thức xuất thần, lại trở thành một đau khổ thanh bình.

Đó là bí quyết của hiện tượng kỳ diệu ấy, vì « từ những đau đớn nó khơi dậy sự hoan hỉ, và sự say sưa cuồng nhiệt làm phát động từ con tim lên những tiếng than ai oán » chỉ có nhà tư tưởng theo tinh thần Schopenhauer mới lặn xuống được tận bí nhiệm của trạng thái Dionysos như thế !

Nói tóm, với trạng thái say sưa như thần Dionysos và giấc mộng như thần Apollon, người Hi Lạp đã sáng tạo ra được một nghệ thuật độc đáo mang tên là Bi kịch.

Khởi hành từ quan niệm bi kịch như là một sáng tác nghệ thuật có tính cách Dionysos và Apollon hợp lại, Nietzsche mới khai triển ra một lý thuyết về diễn tiến lịch sử của bi kịch Hi Lạp.

Đó là chủ trương lấy lời ca của *ban đồng ca* (choeur) làm nguồn suối nguyên thủy cho bi kịch. Nghĩa là theo Nietzsche, từ nguyên thủy, ban đồng ca, vừa là khán giả duy nhất vừa là diễn viên duy nhất. Trong bi kịch, không có diễn xuất nào ngoài diễn xuất của ban đồng ca đó, một ban đồng ca được cấu tạo toàn bằng những vũ điệu và bài hát.

Ban đồng ca ấy lại gồm toàn những vị thần hoang dại, vì trong bi kịch nguyên thủy tất cả mọi khán giả đều cảm thấy mình trở thành những thần hoang dã. Ban đồng ca chính là một tập thể dân man rợ du mục trong rừng thẳm, có thần hoang dã du nhập trong người họ.

Nội dung của những bản kịch ấy chỉ trình diễn duy những nỗi đau khổ của thần Dionysos. Ngoài ra những thần Oedipe và Prométhée đều chỉ được coi là những mặt nạ của Dionysos.

Nói tóm, theo Nietzsche, tất cả mọi bi kịch đều chỉ diễn tả những huyền bí « nghĩa là sự nhất trí giữa vạn vật, hay nói khác bi kịch chỉ muốn nói rằng: vạn vật chia rẽ thành cá vật chính

là nguyên nhân khởi phát mọi điều ác trong vũ trụ, trái lại, nghệ thuật nói lên sự tiên cảm và hi vọng hoan hỉ rằng: một ngày kia, tình trạng cá biệt dù có kiêu diễm tới đâu cũng sẽ bị tiêu diệt để sự nhất trí được khôi phục lại ».

lê tôn nghiêm

NGUYỄN QUÂN THỤY

chín đoạn tình rời

MỘT

tay mù giọt nhỏ cường toan
 ngủ êm ái một giấc ngàn thu xưa
 bụi vờn đỉnh ngọn ngày mưa
 ngồi thu hình bóng trời trưa nắng lò
 bây giờ nổi nhớ hôm qua
 ru bình yên, những bài ca vỗ về
 dưới trời thêm thiếp cơn mê
 ngày chong mắt mở bốn bề hư không

HAI

là ta chợt đã hoang đường
 vời đêm ngủ đứng dưới vườn thượng du
 là ngày nắng lửa thâm u
 tàng che cõi lạ hình thù dạ xoa
 là tình người vời bóng ma
 tay chân lạnh những nỗi già lạnh cầm

BA

là căn nhà đậu bóng râm
 chảy trong da thịt giọt bầm nín thính
 là em nhan sắc thần linh
 điểm trang khôn lớn nhớ tình nhân đi
 là cơn mê cổ xanh rì
 bàn tay cửa đóng cung vi vực hồng

BỐN

xin ngồi đốt lửa rượu xông
 ta kẻ miệng cần đồng đồng lúa non
 mặt tia từng nhỏ cơn nôn
 phơi khô tình đất cạn con nước ròng

NĂM

bầy giờ trời đã mùa đông
 gió mai mưa đại rượu nồng ột cay
 đồng không mộng quạnh bóng ngày
 ta leo chót đỉnh buông tay xuống rồi
 em chờ cõi nự về ngôi
 đời hồng'hoang có cuộc chơi đã nghèo

SÁU

em nằm ngủ lá trắng treo
 trên môi thâm lớn dây leo đại khờ
 ta về mỗi bóng bơ vơ
 làm di tích mọc dưới bờ cỏ sương

BẢY

em còn nổi nhớ đại dương
 mưa mây những hột thù dương đứng nhìn
 tháng ngày kéo sợi thủy tinh
 hằng không thể nhả làm tình ái sương

tay hơ ngọn lửa cháy luôn
xòe năm ngón mỗi nhánh buồn thịt da

TÁM

xây lưng chiều đã bóng tà
ta làm ngơ hát bài ca tình sầu
dưới cành lá khép cơn đau
ta thêm một buổi ban đầu có em

CHÍN

thương từ những bước chân quen
bữa chia tay dưới cột đèn ngoại ô
soi vàng bóng nhựa đường khô
anh em còn mỗi bây giờ nữa thôi.

nguyễn quân thụ

TRẦN THỊ NGH

chủ nhật

Buổi sáng tôi đưa thằng nhỏ ra phố. Vào ngày nghỉ đường xá có nhiều đoạn tắc nghẽn, người ta đi qua lại không ngớt trên hè Tự Do, quần áo đủ màu đủ kiểu, nhiều cái ngó phát ngượng. Thằng nhỏ coi bộ ngơ ngác trước cảnh tượng ấy, nó bầu chặc tay tôi mặt mũi lấm lét. Chị sen đã chọn cho nó cái quần có lưng quá rộng khiến bộ điệu nó lụng thụng buồn cười. Đã lâu tôi không nhớ sắm cho nó thêm ít quần áo mới, nó đã tới tuổi đi học. Hải hứa sẽ giới thiệu một lớp mẫu giáo gần nơi tôi làm việc để tiện đưa đón. Có lẽ vào đầu tháng tư tôi sẽ cố gắng thu xếp chỗ ở riêng, dù anh chị Q. Ph. vẫn luôn luôn tỏ ra dễ chịu và đặc biệt chăm sóc cho thằng nhỏ.

Căn phòng của hai mẹ con cũng khá tiện nghi ; mấy lúc sau tôi sắm thêm được một tủ lạnh nhỏ, buổi tối khỏi phải xuống nhà lục đục lấy nước uống, hay pha sữa khi thằng nhỏ đói bụng trước khi đi ngủ. Phòng có ban công ngó xuống những mái ngói san sát của khu nhà bên dưới, giấy ảnh-ten ngang dọc chĩa lên trời. Buổi chiều có thể đứng nhìn xe cộ chạy đàng xa ngoài mặt đường vào giờ tan sở, những ngọn điện bật sáng lúc sẩm tối và đèn xe loáng thoáng vụt tới lui như những cây đuốc được quơ đi quơ lại. Thằng nhỏ có một con ngựa gỗ bỏ ngoài

hành lang, thỉnh thoảng nó cười gục gặt cạnh cái ghế mây tôi nằm hay lần quần gần đấy với cái hộp thiếc đựng đủ thứ đồ chơi tôi sắm, có cả nút chai, ve nhỏ mà nó vật vạnh được dưới bếp. Đó là khoảng thời gian thường thường sau cơm chiều, những ngày nóng, hai mẹ con đều cảm thấy nực nội và cần một chút gió mát. Tôi rất thích chỗ đọc sách ấy. Nhưng có lẽ tốt hơn thì không nên làm phiền anh chị Q. Ph. Chắc cũng có một vài bất tiện trong khi chung đụng nhau, vài năm nữa sẽ có thêm những đứa trẻ và như vậy sẽ sinh ra nhiều bất tiện khác. Điều làm tôi khó chịu là chị Q. Ph. trong bất cứ lời nói hay việc làm có liên quan đến đời sống hai mẹ con tôi đều tỏ ra bao dung, như muốn chứng tỏ chị sẵn sàng tha thứ bảo bọc tôi, và muốn gánh một chút trách nhiệm gì đó từ ngày má tôi chết.

Trong cái thư viết cho má khi còn ở Billings, chị đã giải thích trường hợp tôi như là một đòi hỏi cần thiết bình thường; tôi thất thân với Định cũng giống như người ta ăn uống, ngủ, bài tiết, giải trí; chị viết: «... má hãy an tâm, cơn bão nào cũng dứt, đời sống chúng ta cần đến điều ấy». Tôi đã ngạc nhiên vô cùng về lối trấn an ấy và tự hỏi mình có thật tôi đã đòi hỏi như thế. Dù thế nào tôi vẫn không thể phân trần với ai về cái ấn tượng khủng khiếp một buổi tối tôi nằm ngửa dưới thân thể nóng hực của Định, mở mắt trần trối nhìn lên trần gian phòng lạ hoắc, lắng nghe da thịt vỡ tung cùng một lúc với ngày tháng mù mịt trước mặt. Định đã ra khỏi tôi, nhưng sự ê ẩm vẫn còn sót theo các lỏng xương trong cơ thể, trong trí nhớ. Những lần trần truồng một mình, tôi vẫn hay nhìn ngắm tôi trong tấm gương lớn trong phòng tắm, như soi bói một kẻ lạ. Tôi thù ghét chỗ này chỗ nọ, chỗ này tôi không thể rửa sạch được bằng nước, chỗ này tôi không thể kỳ cọ, hơi thở tôi gay gắt mùi thuốc lá, hơi đàn ông lẫn trong chân tóc, còn chỗ nào không, tôi tan hoang từ đầu xuống chân. Đó là tình yêu chẳng, em những tưởng anh như một phương tiện cho em thể hiện sự tự do, đến khi không còn là nô lệ của chính thể xác mình, em mới biết đó cũng là một cách nô lệ, nhưng với một

thể xác khác. Tôi đã nghĩ đến má lúc ấy, từ sự nhớ bản tương tự, tôi được sinh ra. Ba đã dày vò má, mọi người dày vò nhau để những đứa trẻ đừng không được bước ra từ cơn đau ấy, tội nghiệp má, con là đứa con thứ mười hai trong gia đình. Nhưng má đã chết, con muốn nhìn lại lớp da bụng nhăn nhúm của má.

Thằng nhỏ vấp té, tôi hoảng hốt đỡ nó dậy.

— Có sao không con, có sao không?

Nó nhoẽn miệng cười:

— Con muốn ăn kem má.

Tôi đưa nó vào một quán giải khát. Công viên ở góc đường đối diện bây giờ được xây thêm những bậc thềm làm nơi hòa nhạc ngoài trời. Không phải đến bây giờ tôi mới nhớ ra ngày xưa đã có lúc tôi ngồi đây với Định, từ buổi này qua buổi khác nhìn mọi người sinh hoạt bên ngoài qua lớp kính cửa, nhưng thật là lâu hết sức tôi mới trở lại đây, với thằng nhỏ, bàn ghế không có gì thay đổi, mấy cô hầu bàn vẫn mặc bộ đồng phục cũ, một vài cô có vẻ mặt lạ, những người khác lớn tuổi hơn một chút, có lẽ vậy, cảnh tượng bên ngoài vẫn y nguyên, những chiếc xe xẹt qua xẹt lại nhìn thấy trong tấm gương đỉnh vòng theo góc cột giữa quán.

— Con ăn kem dâu nhé!

Tôi hỏi thằng nhỏ. Nó ngó xung quanh bên lén, ngón tay trở ngậm trong miệng. Tôi mắng:

— Đừng ngậm tay trong miệng con!

Cô hầu bàn mang ra một kem dâu và bình trà, mùi chanh nằm khuất dưới kẽ đĩa, cái tách bằng sứ trắng sạch sẽ. Đó cũng là một thói quen được tinh cò lập lại, những động tác cũ, vắt chanh, bỏ đường, châm trà, tiếng nói chuyện lảo xào chung quanh, những khuôn mặt đủ kiểu, đủ cỡ, khói thuốc bưng kín làm cay mắt. Không có một người quen nào trừ cô hầu bàn ngồi sau cái quầy bên cạnh những chai rượu xếp thứ tự trên kệ là tôi còn nhận ra. Cô ngồi táy máy cắn đầu bút nguyên tử, dáng điệu ơ thờ, có lẽ cô đã đổi lối trang điểm, hai mắt dường như kẻ quá đậm ở mí dưới, ngồi xa thấy hai quầng trũng, cũng không chắc lắm, có lẽ cô đang ngồi ở một góc thiếu ánh sáng. Thằng nhỏ khò

sở mức những thìa kem từ cái ly quá cao, đầu nó thấp gần ngang mặt bàn, tôi nói :

— Đề má đút cho con ăn. Con bỏ chân xuống.

Nó là con tôi. Coi bộ nó không sáng sủa gì lắm. Thỉnh thoảng quan sát nó tôi thấy nó lạ hoắc, tay chân eo uột, hai mắt thao láo. Đến khi nó cười tôi vẫn không thấy vẻ vô tư của một đứa trẻ, nó có hai khoe miệng nhăn. Đôi lúc chắc nó cũng dễ thương, những câu hỏi thô thể ngớ ngẩn làm tôi cười té ra giường. Tiếng cười lớn có khi đã làm tôi sợ mình, cần phòng những lúc ấy bỗng trống trải. Thăng nhỏ cười theo và ôm mớ đồ chơi cất dưới gầm giường. Luôn luôn tôi thấy nó lục đục một mình hoặc lần quần theo chị sen hồi han lung tung. Hải nói tôi ít săn sóc đến nó, Hải hay trách tôi về việc ấy. Mỗi lần như vậy tôi thấy áy náy và mang thằng nhỏ đến sở đề nó ngồi bên cạnh trong khi làm việc. Mar. thích trẻ con nhưng chê thằng nhỏ lừ đừ. Ông hát cho nó nghe những bài hát tiếng Ý nhịp điệu vui vẻ, bắt nó vỗ tay theo, nhưng một lát thằng nhỏ cũng than buồn và đòi về. Mar. hỏi tôi Bà cho nó ăn cái gì mỗi ngày vậy? Tôi đáp tôi cho nó ăn Spaghetti. Ông cười và cũng đùa : Chứ không phải nước mắm à ?

Hải cho là tôi không yêu thương gì thằng nhỏ, nó có từ một kỷ niệm xấu. Tôi không nghĩ thế, từ một ấn tượng xấu có vẻ đúng hơn. Tôi không nhớ gì về kỷ niệm cũ. Mỗi ngày tôi nhìn thằng nhỏ và nghĩ nó sẽ lớn, sẽ đi học, tôi mong nó thông minh và biết vâng lời, tôi không muốn nó đánh nhau với các trẻ con khác trong trường, hay làm cái gì tệ hơn như vậy. Có lẽ tôi phải đề ý đến nó.

Gần giờ cơm trưa mọi người lục đục đứng dậy ra khỏi quán chưa nhiều bàn trống. Thăng nhỏ tụt xuống khỏi ghế hai tay kéo lưng quần.

— Má má, con mắc tiểu má !

Tôi chặc lưỡi đứng dậy nói : Đi ! Những đứa trẻ luôn luôn có những vấn đề phải giải quyết, trong tiệm nước, quán ăn.

Tôi dẫn nó vào phòng vệ sinh phía trong quán, tụt quần và bế nó đặt lên bàn cầu. Thăng nhỏ có vẻ lo lắng, hai tay bụm chéo áo trước bụng cho khỏi ướt, hai ống chân nó nhỏ xíu thông chưa

chấm dứt. Tôi lắng nghe tiếng nước chảy lách tách xuống ống dẫn, tự dưng thấy cảm động muốn khóc. Con yêu, ngày xưa đã có lần má muốn áp sát cái mặt con vào ngực má cho con tắt thở khi đang bú, hay quấn con kín mít bằng tấm chăn xanh, mà bây giờ má vẫn đắp cho con mỗi buổi tối con ngủ ngoan ngoan bên cạnh má. Vậy đó con, những điều ấy dần vật má như ly thuốc ho Phénergan thật đầy má đã muốn ép con uống, nỗi sợ hãi mỗi lần nhìn con ngo ngoe đỏ hỏn giữa đồng mềm gối, đã biết bao nhiêu đêm má để con nằm một mình, đứng trong góc phòng nhìn tay chân con co duỗi tội nghiệp, má đã kinh tởm thù ghét con biết bao nhiêu. Ôi da thịt mà con mang trên người, hơi thở con đều đặn và nhịp đập nhỏ nhẹ của trái tim con má đã tạo ra và mang trong cơ thể má, những ngày tháng tủi nhục xót xa ấy, con.

Tôi mặc quần vào cho thằng nhỏ, hôn nó và dắt ra ngoài. Người ta không thể biết tôi vừa nói những điều gì với thằng nhỏ. Có lẽ tôi không nên nói với nó như thế, không phải, đó chỉ là tiếng nói tôi dội ngược trở lại. Dường như tôi chỉ hôn thằng nhỏ, mặc quần cho nó và dắt nó ra ngoài. Tôi đã muốn khóc, nhưng tôi không hề nói một điều gì với nó, phải không con ? Hai mẹ còn trở lại chỗ ngồi trả tiền. Quán lưa thưa một vài người ngồi một mình, tôi không quen ai ở đây cả, mình đi về con. Không, có lẽ tôi nên đưa thằng nhỏ đi ăn trưa, ở nhà chắc anh chị Q. Ph. đã dùng xong bữa, má sẽ dắt con đi hết ngày. Thăng nhỏ đỏ mồm hỏi rịn ướt sau lưng áo, những sợi tóc dãn trước trán, coi bộ nó đừ câm. Hai mẹ con đứng đợi xe ở góc đường.

Tôi đưa thằng nhỏ đến thăm Perf. sau bữa ăn. Trời chuyển mưa vào khoảng một giờ rưỡi. Những cụm mây xám kéo dần dần về một phía, thấp gần đụng nóc phố. Gió thổi xoáy những vòng bụi tròn trên mặt đường. Perf. ra mở cửa, chàng hôn tôi và hỏi hai mẹ con đi đâu thế, ăn cơm chưa, may không bị ướt

đọc đường. Đứng ngay lúc ấy mưa đổ xuống lác rác và chẳng bao lâu ào ạt như bão. Những ngọn cây nhìn thấy từ cửa sổ ngã nghiêng như người say rượu. Perf. khép bớt một cánh cửa, tới bật ngọn điện và ngồi xuống bên cạnh hai mẹ con. Chẳng kéo thẳng nhỏ vào lòng hỏi:

— Thế nào, từ sáng tới giờ mà đã đưa con đi đâu?

Cơn mưa rầm rộ kéo dài đến chập tối. Thăng nhỏ nằm ngủ ở cái đi-văng kê sát tường bên cạnh tủ sách. Những sợi gân nhỏ nhìn thấy dưới hai mí mỏng nổi vồng trên tròng mắt. Tờ lịch treo trên tường bị gió thổi lật ngược quay bìa sau ra ngoài. Perf. nằm ngả người trên ghế dựa hút thuốc, hai mắt nhắm. Ngọn đèn màu vàng trong góc tường không đủ sáng làm căn phòng tù mù và nặng nề. Trời nóng xộp da suốt một tuần lễ, cơn mưa xối xả sau mấy tiếng đồng hồ đã làm lối đi trước nhà ngập nước lênh láng, nước rút không kịp chảy cuộn cuộn mang theo rác rưởi, những mảnh ván mục từ đồng gỗ vụn đổ bên nhà đối diện nổi lều bều trong khoảng sân xi-măng bỏ trống. Perf. cho biết dãy nhà bị giữ đi từ mấy tuần trước. Khu xóm này nằm trong chương trình kiến thiết và thiết kế đô thị của chính phủ, có lẽ một cơ sở gì đó sẽ được dựng lên. Perf. nói chàng chưa biết phải quyết định như thế nào (lời nói tuy vậy đã có phần rõ ràng), chàng có người quen cho ở trọ nhà trong kỳ nhập học tới, chàng đã xin được một chỗ dạy học ở Bình Long. Tôi nói em thích căn nhà này. Tôi nói và nghĩ tôi không định nói thế. Có lẽ Perf. cũng không nghe thấy. Mưa đổ rầm rì đều đặn bên ngoài tường như sẽ không bao giờ dứt. Tiếng nước đập long tong xuống cái thau kê ngay kế dột trên trần nhà nghe buồn nản như sợi dây đàn bị khảy hoài một nốt. Những tấm màn cửa tôi may cho Perf. đã bạc thếp, bộ ghế học đệm đã tưa vải ở hai bên chỗ để tay và sau lưng, khóm hoa giả đặt giữa bàn méo mó một cách tội nghiệp,

bụi bám trắng theo mấy kẽ lá. Nhớ ngày đầu đến chỗ ở Perf. tôi đã ngạc nhiên thấy tự dưng có sự thân thiết kỳ cục giữa tôi và các đồ vật bày biện trong nhà. Dường như tôi đã đến đây một lần hay đó chỉ là một hình ảnh gần giống tôi được nhìn thấy ở một nơi khác, hay gặp lại trong trí tưởng tượng. Đó cũng có thể là nỗi khao khát không rõ, chốn mơ ước mà mỗi người ai cũng muốn tự xếp đặt lấy với đầy đủ lớp lang thứ tự trong đầu. Nó có thể lẫn lộn trong nhịp sống xô bồ hàng ngày, đôi khi bị cố tình lãng quên như một món xa xỉ, nhưng nó không thể mất tích. Tình cảm ấy như bị chặn đứng giữa ngực khi tôi vụt tự hỏi tại sao tôi không nhận lời chung sống với Perf.. Chàng nhìn tôi dò xét khi đưa tôi vào phòng trong, cái giường ngủ trụi trụi không có chiếu trải. Chàng nói đâu có gì khó khăn, em cho là như thế nhưng em cũng biết em muốn gì chứ. Chàng nói và cố ý đo lường trước câu trả lời. Tôi đáp không phải vậy, em cũng đang dần xếp một chỗ ở. Căn nhà bây giờ sắp bị giải tỏa theo chương trình kiến thiết gì đó của chính phủ, Perf. sẽ dời đi dạy học xa. Tôi vẫn không thể có cơ hội đề làm theo ý muốn, nói theo Perf... tôi cũng biết tôi muốn gì chứ.

Perf. không nói gì. Chàng châm điếu thuốc khác và dập que diêm vào cái gạt tàn đã đầy vụn. Tôi hỏi:

— Anh uống cà-phê em pha cho nhé!

Perf. đáp:

— Thôi khỏi, uống cà-phê mãi anh buồn quá. Với lại nhà hết đường rồi, mấy cái ly cũng bẽ nhầu.

Tôi kêu lên:

— Sao thế?

Chàng nói mấy con mèo quỷ sứ nó hay nhảy qua bàn nước ban đêm lúc chàng ngủ. Tôi thì tôi nghĩ chẳng có mèo chó nào, chàng say rượu như cơn bữa. Chàng sống làm ra vẻ ơ thờ nhưng sự thực chàng đang rượt theo sau tuổi tác mình. Chàng chối, anh đang đu bay đấy! Tôi nắm bàn tay mềm mại của Perf., có lẽ em cũng nên tập chạy

nhảy một chút, nhưng em sợ không khả quan gì. Perf. nhìn tôi dịu dàng, em đừng nói thế, chàng hôn tôi với ngậm khổi trong miệng, nước tự nó sẽ bốc hơi... Tôi sặc sụa ho giữa câu nói của chàng, nước mắt ràn rụa. Em khóc đấy ư? (Chàng có giọng nói của người đóng kịch). Tôi nói, trời mưa mãi thế này làm sao về? Thằng nhỏ, a thằng nhỏ, Perf. kêu lên: Em tới coi nó ngủ gì ngủ đủ vậy. Tiếng kêu của Perf. làm thằng nhỏ cựa mình, nó rên ừ ừ trong cổ họng rồi ngủ tiếp. Tôi đến bên lấy tấm chăn của Perf. đắp hai chân nó, cái quần rộng lưng tuột khỏi rún chừa một khoảng da bụng thoi thóp lên xuống. Perf. nói với lại hết mưa đi kiếm cái gì ăn mới được. Tôi gọi, tới đây xem anh, thằng nhỏ nóng như lửa.

Trời tối và gió thổi luồn theo kẽ vách lạnh buốt mang theo hơi nước lẫn trong hơi đất xông lên từ nền gạch. Sự oi bức của những ngày vừa qua như vẫn còn bám trên các bìa sách học ny-long, trên tủ kính. Những cánh hoa giả trắng mốc, bụi đóng theo mấy kẽ ghế dựa, chắn song cửa sổ, tàn thuốc trong cái gạt bị gió thổi bay ra mặt bàn. Mưa tạnh còn để lại những bãi sinh lớn trước cửa. Nước đọng trên máng xối nhỏ giọt xuống hiên làm bắn nước tung tóe lên tận thềm nhà. Những ngọn cây bên ngoài chỉ nhìn thấy lơ mờ trong nền tối. Tiếng xào xạc của lá cây nghe rõ trong sự im vắng của khu xóm. Thằng nhỏ khóc lúc thúc trong tấm chăn tôi kéo lên kín mít tới cổ nó. Perf. mặc áo đi ra cửa nói anh ra hiệu thuốc tây chút, em đóng bớt cửa sổ lại đi. Chàng nói xong bước xuống vũng nước lội bị bơm qua khoảng sân xi-măng bên kia. Ánh đèn từ hiên nhà hắt ra soi rõ hai bàn chân chàng xanh xao trong đôi dép cao-su mỏng, những ngón chân nhỏ nhẵn ướt sũng nước, sinh bắn lấm tấm trên lai quần phía sau. Qua tới đồng gỗ vụn chàng dừng lại giữ giữ chân, hai tay túm lấy vải quần hai bên đầu gối.

Chàng bước khúm núm e dè trên những viên gạch lờ; coi chàng gầy nhom giống con cò mò mẫm giữa đồng. Chẳng bao lâu lẫn giữa đám cây lúp xúp của một sân nhà đã dọn đi, tôi chỉ còn thấy Perf. như một vệt đen in cái bóng cong queo dưới bãi nước phía xa.

trần thị ngh

NGUYỄN TẤT NHIÊN

bài thăm một đầu tiên

1

tình mới lớn, phải không em, rất thích?
cách tập tành nào cũng thật dễ thương
thuở đầu đời chú bé soi gương
và mê mãi, dĩ nhiên, làm lạ

tình mới lớn, phải không em, rất lạ?
cách tập tành nào cũng ngược như nhau
thuở đầu đời chú bé ôm phao
và nhút nhát, dĩ nhiên, ngộp nước

2

tôi có cánh bướm tấp về ký ức
em có chỗ ngồi quên lãng như mây

3

dù cát bụi nhiều phen đầy loạn
cũng yên nằm mang phân bón cho cây
nên bao giờ tôi cũng phải thương tôi
(những ich kỷ này sinh sau lần thăm bại)

tuổi mười lăm giữa con trai, con gái
đã rõ ràng ai khờ khạo hơn ai
nên bao giờ tôi cũng phải thương tôi
(những ich kỷ này sinh sau lần nhục nhã)

4

em có một đời rong xanh mơ đã
tôi có ngàn năm say khướt hận thù

5

tình mới lớn, phải không em, rất mỏng?
cách tập tành nào cũng dễ hư hao
thuở đầu đời cầm đuă thấp cao
và nâng chén, dĩ nhiên, đổ vỡ

6

khi mòn mỏi, nghe đời mình trắc trở
hơn lúc nào, tôi quá đổi thương tôi

KHÚC BUỒN TÌNH

1

người từ trăm năm
về ngang sông rộng
ta ngoắc mòn tay
trùng trùng gió lộng

thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có, còn hơn không
mưa ôm tượng đá

người từ trăm năm
về khơi tình động
ta chạy vòng vòng
ta chạy mòn chân
nào hay đời cạn

thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có, còn hơn không
mưa ôm tượng đá

2

thà như giọt mưa
gieo xuống mặt người

vỡ tan vỡ tan
nào ta ân hận
bởi còn kịp nghe
nhịp run vội vội
trên ngọn lông măng
người từ trăm năm
vi ta phải khổ

NÊN THỜI GIAN ẤY NGÙI TRÔNG

giọt mưa xanh mấy tuổi nàng
tôi nghe lá rụng như vàng áo xưa

hơi tàn tro ấm lần đưa
ba năm khơi lại cũng vừa đủ đau

sớm, trưa, chiều, tối, ra, vào
người chưa yên nổi thăm xao xác lòng
nên thời gian ấy ngùi trông
khô như hạt bụi trưa ngừng ngập bay

ba năm vượt sợi tình dài
ừ, tôi còn vụng ngón tay dậy thì
thuở nào sâu đã lâm ly
giờ thêm già héo nhiều khi hận thù

lửa đom đóm mỗi mòn, lu
những tôi buồn cứ vi vu thời hoài

mưa thì mưa thả phai phai
rồi sau đó sẽ một vài tang thương
bởi quen cầm lược soi gương
biết ai ôm gối mộng thương lâu chẳng

giọt mưa xanh mấy tuổi nàng
tôi nghe lá rụng như vàng áo xưa...

TRONG Ý NGÃ XA MAI

ngày mồn nắng dậu hao hao
nghe như người đã đi vào đời quên

chiều sông con nước dập dềnh
tôi gieo cặp mắt qua bên kia bờ
thấy sương chôn mặt trời, mờ
thấy mây nặng nặng mây chờ thiên tai
thấy chim bay khuất tầm, bay
thấy cây già tuổi cây hoài trông mong

giọt mưa tình ướt tay không
yêu người tôi chắc còn long đong nhiều :

nguyễn tất nhiên

NGUY NGỮ

người trở về ngôi

Phần cuối cùng của thị trấn : nhà văn hóa Thượng, khu của đám me Mỹ, trại công binh Việt, trại công binh Mỹ, trại gia binh của lính địa phương, ty chiêu hồi, ty cảnh sát dã chiến, khu của bọn lính cụt què hết thời rần rện đến chiếm cứ, sân bay, nghĩa trang quân đội, nhà thờ chùa dành cho dân Thượng. Có lẽ trước kia hằng nghìn vạn năm mit mừng nơi đây là một cánh rừng già bát ngát, rồi những biển chuyển dài tiếp theo nhau phủ chồng lên, theo cuộc tiến triển động vật : những nhu cầu ăn mặc thức hối dầm dấn đói nghèo từ các phương xa đến định cư khai thác, dân Thượng từ những buôn bản chung quanh được mộ ra góp sức thêm, rồi với chiến tranh quân viễn chinh Mỹ mang xe cày đến gặm hú cào phá lập trại làm đồn. Giấy kẽm gai giăng quanh, mìn nổ, đạn bích kích của quân Giải phóng trong rừng bắn ra, đạn của quân Mỹ rải đều bốn phía. Không cần một thông báo lệnh lạc nào cả, đám dân cư vô-phận-sự-cấm-vào dần dần cuốn gói đi nơi khác. Những toán xe cày vẫn tiếp tục làm việc, vùng đất cày càng lúc càng rộng thêm dần. Không biết đã bao nhiêu lần người ta nghe được cái mầu tin vô căn cứ truyền từ môi miệng này sang môi miệng kia lan man khắp tỉnh lỵ : phố sẽ mở rộng về hướng đó, chợ mới sẽ dời về phía đó, quốc lộ sẽ chạy

bọc về phía đó. Phía đó, ngón tay đưa chỉ, mắt trông dõi theo và một vùng nhà cửa lấm lem bụi đất giữa giấy kẽm gai sét bần, mái tôn nổi vào nhau chập chùng dưới những tàn cây già vươn cao lể loi thừa thớt, những vách tường cột cổng đầy chữ Mỹ và hình vẽ nhiều màu. Bắt đầu từ đám kẽm gai rào quanh ty cảnh sát đã chiến và đến cuối cùng là vùng sân bay, tất cả nhà cửa xếp thành một hàng dài bên con đường trải đá lởm chởm, ngó ra vùng đất trống đầy cỏ hoang rải rác bia mộ đẳng trước, quay lưng lại với thung lũng sâu chùng phía sau. Bên kia thung lũng, những đồi thấp khum khum điệp trùng trải hút về chân trời phương Tây.

Buổi chiều mùa nắng, mặt trời đang chói chang sa dần xuống, da trời quang đảng xanh sâu, một vầng mây đỏ rực căng rợn trên phương Tây. Từ đường chân trời những thân cây khô già trụi còn lại sau bao nhiêu vụ phá rừng đứng dựng lên rõ nét giữa màu ráng. Mặt trời sa xuống dần, màu ráng đỏ thêm dần. Chuông giáo đường từ khu phố đầu tỉnh lỵ đổ dài ngân nga trong không gian. Sáu giờ đúng.

Đứng từ khu nhà của bọn me Mỹ nhìn ngay qua ngọn đồi bên kia, dưới cái ráng đỏ, giữa màu lá cây thâm bầm, người ta có thể thấy được những mái nhà tranh tôn lợp xúp của ấp Ta-la đang ươm khói cơm chiều. Cách Ta-la hai ngọn đồi về phía trái là trại Camrock, và một ngọn đồi cách về phía phải là sân bay. Con đường đá trải thẳng vào sân bay và hai con đường đất đỏ từ lưng dãy nhà bên này chia khối đường đá, chúi nhồi xuống lòng thung lũng, vắt lên sườn đồi bên kia, vào Ta-la, vào Camrock.

Vào Ta-la, một cây cọc nhỏ cắm đầu đường, tấm bảng gỗ gọt theo hình mũi tên sơn trắng chỉ về phía trước, hàng chữ đỏ nét gọn : đường số 5. Không biết những số 1 số 2 đầu rồi để có cái số 5 này, không biết ai đặt ra và đặt ra có ích lợi gì không; nhưng đã có, lặng lẽ từ bao giờ đến bây giờ ở đó, đã quen. Dưới ánh nắng mùa hạ, suốt ngày con đường phơi ra vắng hoe, lâu lắm mới có một vài chiếc xe đạp xe gắn máy ra vào hoặc đám bầy tên dân Thượng miệng võ lưng gùi, khổ vầy bần thiu, chụm lại từng đồng, vừa đi vừa chuyện

trò, ô ề gọi nhau, chỉ chỗ, như những oan hồn đầu từ thiên cổ chưa nguôi hận trần gian, không nơi chọn nghiệp.

Lại chuông nhà thờ, 6 giờ 30. Không còn bóng một thằng lính Việt nào trên con đường vào Camrock, bọn lính Mỹ đã rời khu đi điểm rút hết vào trại. Và dân cư làng Ta-la bắt đầu gồng gánh xuống đường số 5, như buổi chiều hôm kia, như bao nhiêu buổi chiều sau hồi chuông đổ gọi.

Ra khỏi cổng làng, bọn đi xe gắn máy rú ga chạy thoát tới trước, rồi bọn xe đạp cộc cạch tiếp theo, còn lại bên sau là đám đi bộ kết thành một giải lê thê dài ngoằn. Những mặt mày đen đúa, những cái ống vớ phi khói, những lỗ tai đeo ngà voi đóng đưa, những cái bụng phình ồng, những chiếc gùi nặng trĩu trên lưng, những dáng đi gập chúi về đằng trước, những chiếc váy cứ bần xám, những cái khổ quần ôm lấy háng, những áo quần Mỹ viện trợ, những tiếng kêu, những cái máy thu thanh vụn hết volume, những khoảng lưng cồ nhẵn nhúm, những tiếng trẻ khóc... Với cái ánh nắng ủa tà, tất cả ngã ra tối xám, mơ hồ như bóng của đoàn người quanh chân núi Sọ đang níu nhau bò lên để khóc kẻ những nhục nhằn đau đớn trần gian với đảng Toàn Năng. Bò lên, bò tới. K'Mảng, K'Lo, K'Nyeo, K'Lúi. Bò tới. Bao nhiêu gia sản có được đều mang chất lên lưng, ngáp những miệng gùi. Mang hết từng cái chén từng đôi đĩa, từng trái ớt trái cà; mang hết qua trại gia binh ngủ nhờ sáng mai mang về. Mang đi hết, ông quận bảo thế, mang đi hết chờ bỏ lại Việt cộng nó lấy nó ăn hết còn gì, nó ăn cho no cho mạnh rồi nó còn đánh chết lính mình nữa mà. Mang đi hết, bởi khi đêm đến đây ấp Ta-la là một vùng yêu quái, một vùng oanh kích tự do. Mang đi hết, như lời ông quận, như lời mấy ông cán bộ chiêu hồi, chất hết lên lưng, lưng cồng xuống, bước từng bước nặng nề, bước và chuyện trò bi bô bỏ cổng ấp xa lại phía sau. Chiều này, chiều qua, chiều mai, chiều mốt. Bao nhiêu ngày còn phải buổi chiều mang đi sáng sớm mang về nữa? Không biết, không cần hỏi tới. Ông quận bảo mang đi là mang đi, được rồi.

Phải thế không. K'Lo, H'Mần. Không cần hỏi thêm gì cả.

Mang nhau đi như ngày nào mang nhau rời bỏ cái buôn Ta-la, bỏ lại hăng nghìn năm tổ tiên sống di theo ruộng rẫy từng mùa khuất lẫn giữa rừng xa. Hăng vạn đời nối nhau đi đốt rừng làm rẫy, hái trái hoang, đào củ dại, uống nước suối, săn thú bắt chim : hăng vạn đời không biết gì ngoài thần thánh và bộ lạc mình ; hăng vạn đời sống chết với nhau, thương yêu nhau, trai gái phải lòng ca hát tìm kiếm nhau, người già cả qua đời, trẻ con lớn lên, những mùa lễ lạc trống khèn. Rồi tiếng máy và tiếng súng của văn minh cơ khí tràn đến. Bọn Tây to lớn đến cho thức ăn và mộ đi làm sở trà, một số ra đi, còn bao nhiêu ở lại tiếp tục sinh sản trẻ già khur khur trong đời sống tổ tiên mình. Tây hết, đến phiên những thằng dân kinh chân đi dép cao su, áo quần đen xám, xưng là lính Cách mạng đã đánh đuổi Tây về nước cả rồi và rủ dân trong buôn họp lại nghe hô hào đánh quân Mỹ Ngụy ; quân Cách mạng rút đi, quân Mỹ Ngụy đến : những thằng dân kinh mặc áo quần xanh, đầu đội nón sắt, chân mang giày và những thằng khác to lớn trắng đen, chúng nó đem kẹo bánh thuốc men phát cho dân buôn, xoa đầu trẻ em, nắm tay người lớn. Và chỉ vài hôm làm lui làm tới cái trò đó là súng bắt đầu nổ. Đạn liên thanh rót xối vào làng, đạn đại bác từ trên trời, đâm ngay chóc xuống nhà cửa. Nhà cháy, người chết, người bị thương máu me bê bết, heo trâu chết. Lính mặc đồ xanh vây buôn bắt tất cả sửa soạn di cư về tỉnh : về với quốc gia ấm no sung sướng, ở đây Việt cộng nó giết hết. Nhà này truyền sang nhà kia, đứng nghe mấy người biết tiếng kinh thông ngôn lại những lời hẹn hò, và khóc lóc thu xếp gia sản vào gùi, xếp thành đoàn dài lếch thếch ra khỏi rừng, lên xe, theo lính về tỉnh, về với quốc gia. Vẫn còn một số ở lại, không chịu theo lính bỏ rừng, hoặc đã về đến tỉnh một thời gian rồi lại vác gùi trở lên ở với quân Cách mạng, theo Việt cộng : Thượng cộng.

Buôn Ta-la ngày trước đã được đổi thành ấp đời mới Ta-la,

dân cư vẫn níu lấy đời sống cũ : nhà sàn, quần khổ, mang gùi, dệt vải, nuôi heo, đốt đồi trồng lúa, bắn cung, gài bẫy..., cạnh đó thêm vài nét mới đã quen thuộc dần : con K'Hoe và con K'Sưn đi làm đĩ, con K'Brin lấy một thằng Mỹ đen ngồi hút thuốc điếu phi phèo trên xe Jeep, đám thanh niên mặc áo quần cao bồi, mang đồng hồ Mỹ đi xe gắn máy Nhật, đăng vào lính dữ, làm cảnh sát cận bộ, chửi thề bằng tiếng kinh, thỉnh thoảng lại nói tiếng Mỹ. Và số còn lại trong rừng theo bên kia, lâu lâu sau các vụ đánh phá những đồn trại quanh tỉnh lỵ, vài ba xác chết bị bỏ lại, được dân làng nhìn ra mặt nhận về mang đến nhà mổ lợn, táng theo tập quán tổ tiên. Thời gian gần đây thỉnh thoảng lại có một vài thằng về chiêu hồi, thằng nào cũng bảo ở với Việt cộng cực lắm, và ngồi kể chuyện quê cũ, nhắc tên những thằng chết trận này trận kia, những thằng còn sống ở trong các đội chiến đấu hoặc đội sản xuất đâu đó. Thằng nào về chiêu hồi cũng được ở ty học tập mấy tháng, xong về làng, một số đăng vào lính địa phương quanh quần tời lui trong tỉnh lỵ, một số lớn hơn đăng đi lính dữ, biệt mù luôn.

Và K'Mương, K'Đon, K'Wăng, K'Hay, K'Bris, những thằng theo giặc chưa chịu về chiêu hồi, những cái bóng mặt mờ với rừng ngàn quê cũ, với những đội chiến đấu đội sản xuất gì đó dai dẳng trong câu chuyện của những thằng về, tên tuổi chúng vẫn còn trong sổ sách K'Kha ấp trưởng cạnh cái cuốc chú gọn nhẹ : Cộng sản. Một số ít người trong ấp môi lưỡi vẫn còn quen từ thời trước, vẫn gọi Việt Cộng là lính Cách mạng, cầm tai con xách ngược lên nói nựng : bữa nào lớn cho mày vào rừng theo quân Cách mạng nghe không. Theo quân Cách mạng, theo K'Bris, K'Đon, những trại trẻ chăm chỉ sức vóc ngày nào, đã lâu quá rồi không ai còn thấy mặt.

Lâu quá rồi, sáu năm dài bát ngát, bao nhiêu nắng mưa gió bão, những chiếc phản lực gầm hú dội bom, những đoàn trực thăng bắn rốc kết đại liên, những toán lính súng đạn nặng nề ra vào, những người chết, truyền đơn thả bay trắng trời, những người cầm truyền đơn tìm về, những người lạng lẽ ra đi, những người ở lại, những đứa bé được sinh trong nhà thương, những thằng lính dữ mặc đồ hoa văn vện lâu lâu về uống rượu chửi rủa bỏ đi mất tâm mất tích,

Năm năm đầu tình hình an ninh còn tương đối khấm khá, chẳng rõ vào đầu hơn một năm nay tự dưng thay đổi hẳn. Việt Cộng kéo nhau về quanh thị trấn đặt súng bích kích bắn vào các đồn trại quan trọng, tập trung dân các làng lại nghe học tập chống Mỹ cứu nước. Dân làng ngồi học tập cùng lúc súng bích kích đặt nghênh hòng bên cạnh, đạn được thả vào hòng, bay vọt đi, nhắm rơi về phổ; quân đội Mỹ thấy lửa chớp quay bắn trả; chính quyền địa phương lo tranh thủ nhân tâm, can thiệp với Mỹ, đợi sáng hôm sau cho lính đi hành quân tiêu trừ. Rồi đêm hôm sau, đêm hôm sau nữa. Hết nơi này đến nơi khác. Trong số các địa điểm có lẽ Ta-la là nơi lý tưởng nhất. Đạn bích kích từ Ta-la bắn đi đã làm cháy kho xăng sân bay, nổ tung kho đạn ở trại công binh Mỹ, ngay chóc vào bộ chỉ huy tiểu khu, phá bung mái nhà viên Tỉnh trưởng làm chết oan một số lính canh. Đêm nay quân Giải phóng về tổ chức học tập, đêm mai bắn, đêm kia có quân Quốc gia qua năm kích lại thôi, đêm sau không có quân Quốc gia, quân Giải phóng tìm về, đạn bích kích bắn đi, đạn đại bác nện tới, vừa hừng sáng quân Quốc gia đã tràn vào lục soát tảo thanh. Cứ đều đều như thế, thật tình đến chó trâu gà vịt e cũng không chịu nổi nữa chớ nói gì là người Việt-nam-mới phải không K'Lo? Và không bao lâu sau vấn đề được giải quyết một cách giản dị: buổi chiều dân ấp di cư sang trại gia binh ngũ đội sáng về.

Ngay từ buổi chiều đầu tiên lệnh của ông quận được thi hành một cách hoàn toàn tốt đẹp. Di cư từ buôn Ta-la về ấp Ta-la, bây giờ di cư từ ấp Ta-la sang trại gia binh. « Có gì phải cất kỹ trước khi đi, nhưng tốt hơn hết là mang theo luôn, bỏ lại sẽ mất, Việt cộng nó đói sẵn nó về nó lấy ăn hết ».

Tất cả dân cư đã ra khỏi làng, chuyện tranh thủ nhân tâm coi như tạm yên ổn, có động đại bác có thể khạc nhỏ suốt đêm, nhà cửa cháy hư không thành vấn đề, đã có các cơ quan chuyên lo về việc viện trợ và những cố vấn Mỹ. Nhưng còn những làng khác, những nơi không đủ điều kiện như Ta-la? Đó là một

chuyện khác lại cũng không thành vấn đề, bởi đã vượt quá khả năng của chính quyền địa phương mất rồi. Và từ những nơi không đủ điều kiện, vượt quá khả năng của chính quyền địa phương đó, cách khoảng vài dặm lại có đạn bích kích câu về tiểu khu, như một thứ thói quen thâm căn cố đế, đã thành nghiện.

Buổi chiều mệnh mông đến. Tất cả mọi công việc đều thu xếp xong, bữa cơm bày ra ăn vội, phần cơm chưa hết được đùm vào cái túi nhỏ đan bằng lá cây mang luôn sang trại gia binh chờ khuya đói dậy ăn. Ăn, uống, gọi nhau, bi bô chuyện trò, mang gùi, nối nhau ra khỏi ấp. Cổng ấp khép lại, trái lựu đạn của K'Kha gài vào. Con đường nghiêng nghiêng ôm quanh lưng đồi soài nhoài về phía trước, chúi thấp xuống lòng lũng, vất lên bên kia, dẫn vào trại gia binh. Cả đoàn người lừng khừng chậm chạp đi tới, cả một bầy gia súc mỗi mề.

Cái ráng càng lúc càng căng rộng ra rợn ngợp cả chân trời phương Tây, và phương Đông phương Nam phương Bắc: mây trắng nhẹ giải dài trên những đỉnh núi xa chập chùng xanh thẳm giữa chiều sương mù chưa lên. Đâu đó trên các đồi trà có tiếng đạn từng viên một thoát vang lẻ loi. Đêm sắp tới. Đoàn người lè thê đi. K'Lo và K'Mần đi gần sau rốt, vừa đi từng bước ngắn vừa chuyện trò về cái thành phố dày đặc mệnh mông những nhà cửa xe hơi người biểu tình và cảnh sát đã chiến ở dưới xa kia, nơi K'Mần vừa về tìm chồng không gặp.

Thằng K'Ngoai chồng của K'Mần đi lính thủy quân lục chiến gì đó cả hai năm không về thăm nhà, lại thêm người ta nói hẳn có vợ khác rồi; tháng trước K'Mần vay góp một số tiền nhất định đi tìm coi thử. Một món tiền nhỏ kèm với lá thư thằng K'Ngoai gửi lên năm ngoái, bên góc bì thư vốn vẹn chỉ cái tên viết nghiêng xéo lại và cái số KBC đã bị mờ theo vết gấp; K'Mần thay áo và váy mới, chải tóc bôi dầu láng mượt, ra bến đón xe đi. K'Mần một mình dẫn độn què kệnh giữa thành phố lạ, mặt mày đầy mồ hôi, đứng nhìn những cặp gái trai ăn mặc kỳ cục, nhìn theo đoàn biểu tình, và bưng mặt khiếp hãi giữa đợt khói lựu đạn cay, bật

khóc thành tiếng lớn. Không ai để ý đến hần hết. K'Mần khóc, vùng lao đầu chạy tới, vấp nhả bờ lẽ, đồ sắp xuống, mê đi, có người kéo K'Mần lên, lấy khăn ướt đắp vào mặt, lay hần tỉnh dậy, cho nghỉ một lúc rồi bảo đi đi. K'Mần đi, bụng đói không biết kiếm cái gì để ăn, chẳng biết chồng nơi đâu để tìm, đưa cái tên số trên bì thư ra hỏi không ai hiểu cả. Cuối cùng một người cảnh sát áo trắng nghe K'Mần kể, dắt hần đến bến đón xe trở lên đây. Số bạc đã hết, cái bì thư đang còn. Câu chuyện rồi rưng không đầu không đuôi, K'Mần bước đi, đôi mắt lạng lẽ nhìn khoảng mặt đường phía trước, thì thầm kể. Với lời kể, những cảnh tượng xa xôi dần dần chộp chòn văng lè trong trí tưởng K'Lo, chộp chòn một cảnh đời khác: K'Lo cầm cái bì thư, chải tóc mặt áo mới đi tìm thằng K'Dơn dọc những phố phường xa lạ. Nước mắt ứa ra, cơn buồn khóc nồn nao trong lồng ngực, K'Lo muốn đứng lại một chút nhưng vẫn bước đi. Giọng K'Mần đều đều lời kể, dáng thẳng K'Briu đen đúa chạy nhảy nhập nhòa. Nước mắt mừng doanh trông, tất cả phía trước K'Lo như được nhìn qua một màn sương đặc trắng, từ đó tiếng kêu tên buồn bã vẳng lên: K'Dơn. Không biết bây giờ K'Dơn nơi nào, có còn tiếc nhớ gì, có còn hát bài đèo cao ta trèo, có còn ngậm cái ống vố to tướng. K'Dơn trong sổ sách của K'Kha, giữa chuyện của bọn chiêu hồi, và không biết bao giờ hần chiêu hồi về với chính nghĩa quốc gia. Ngày dân buồn theo lính ra đi, K'Dơn với ông nội lẩn trốn ra rừng ở lại, và cái dự định gần gũi nhất của K'Lo: vài tháng nữa đi cưới K'Dơn về làm chồng, đã không bao giờ thành hình. Rồi tháng tiếp tháng, năm tiếp năm, K'Dơn mịt mùng với rừng ngàn bát ngát đạn bom. Không bao giờ còn cái thằng K'Dơn lưng trần, uống rượu say ngồi hát suốt đêm làm lễ cúng giàng; không bao giờ có nữa ở ông đầy mặt K'Dơn hải mang về cho K'Lo đứng chờ sau suối; không bao giờ còn nghe thấy nữa tiếng hát ồm ồm đèo-cao-ta-trèo-một-dời thương-nhau. Không còn gì nữa cả. Làm sao mà một đời thương nhau qua những núi đèo. 6 tháng, 1 năm, 2 năm. Đợi chờ hoài không được, K'Lo đi cưới K'Đi về làm chồng, K'Đi vào lính địa phương, chết, K'Lo còn lại với thằng K'Briu, hai mẹ con lãnh tiền tử tuất xong, dắt nhau về ấp. Đám trai trẻ trong làng càng lâu càng ít dần, thằng này chết, thằng kia đi lính xa; bọn chiêu hồi về rồi cũng quảy quả bỏ đi. Và K'Dơn vẫn còn. Bọn chiêu hồi về

bảo thế. K'Dơn có súng, ở trong đội chiến đấu, K'Dơn can đảm lắm, đã bắn được mấy thằng Mỹ, còn K'Hôn — ông nội của K'Dơn — già quá rồi không làm gì được hết, phải ở trong đội sản xuất chỉ lo việc trồng trọt nuôi quân. K'Lo cũng cầu mong như vậy, mong cho K'Dơn còn sống, dù biết rằng không còn gì và có ra sao, dù không bao giờ K'Dơn về đi lính cho hần đợi chờ, như con K'Mần đợi chờ K'Ngoai, như hần thời ngồi đợi chờ K'Đi.

Lại một hồi chuông âm ư ngân dài. Tiếng chuông chưa dứt, từ bên đồi sân bay nhiều loạt đạn nổ ran lên. K'Lo đưa tay bưng chặt lấy hai mắt, đứng lại. Không hay biết gì cả, K'Mần vẫn đi, tiếp tục chuyện trò, cho đến một đoạn xa mới ngoai đầu nhìn lui hỏi lớn:

— K'Lo, sao thế?

— Không.

Từng bước, từng bước. Ấp Ta-la xa dần lại bên sau, quay đầu trông về còn thấy những mái nhà mờ thắm dính vào nhau dưới màu rắng chiều đã bị bóng tối pha sậm lại sắp hút phai. K'Mần vẫn nói loanh quanh chuyện đi vừa qua của mình, bọn đàn ông đàn bà đang trước vẫn bàn chuyện mùa màng lúa khoai sắp tới, đám trẻ vẫn rượt đuổi nhau. Tất cả cùng ngừng đứng lại, hàng trăm môi miệng đang mấp máy lan man cùng khép im, hàng trăm đôi mắt quay nhìn nơi vừa phát ra tiếng kêu thẳng thốt: K'Hôn.

— K'Hôn. Ơ.

— K'Hôn à?

Tiếng kêu lật bật chuyển suốt đoàn người, rớt hàng vào văng về. Trong một phút cơ đồ tất cả đã hóa đá, đứng lại thế, còm côi rách rưới giữa cái ánh sáng xám ngoét của nghìn thu, đứng đăm đăm nhìn. K'Hôn: một ông già đang đứng yên cuối lối đi nổi từ bờ lộ trên kia dọc dài giữa thung lũng, râu tóc bạc trắng, cái khổ quần trẻ xuống háng, một tay chống gậy, một tay vin vào vai đứa bé gái chừng 12 tuổi. Tiếng hỏi thoát lên khỏi sự im nín:

— K'Hôn phải không?

Hàng trăm cái miệng lao nhao khua ồn theo: K'Hôn à, K'Hôn

chờ còn ai nữa, đưa con ai thế, K'Hôn phải không, K'Hôn phải không, K'Hôn về a...

K'Hôn. Đưa trẻ thì chưa biết con ai chờ đưa già thì chắc chắn là K'Hôn rồi đó. Trông cái cục bướng sẽ ra nơi cỏ, trông cái lưng còm, trông mái tóc bạc, trông hai cục ngà voi lòng thông bên tai, trông cái trán hói trọc. Đúng là thằng K'Hôn ông nội của thằng K'Dơn rồi. Ở mà sao thằng K'Hôn còn sống đề về đây?

K'lo và K'Mần vẫn không mang gùi trên lưng, đứng sát vào nhau đầu gối mòn. Cả đoàn người bất động trên bờ đường cao chênh, trông tơi. Dưới nền trời bao la, giữa thung lũng cây cỏ dài hút mịt mù một già một trẻ đang bám nhau lơ dờ đứng, lơ dờ đi; sau hai người, xa bên kia lộ, sương đã bít trắng những núi đồi. K'Hôn về đó. K'Hôn, kẻ già nhất của buôn Ta-la, vợ con đã chết hết từ thời trước, chỉ còn một thằng cháu là thằng K'Dơn, dân buôn đi, K'Hôn dắt cháu ở lại với nhóm người theo Cách mạng, 6 năm không ai thấy mặt mày. K'Hôn đã về đó, về chiêu hồi. Sương mang mang dâng mờ những cửa nhà trên ấp Ta-la, mờ cả vùng sân bay, trại Camrock, bạc trắng cả đất trời. Những ngọn đèn điện quanh phòng tuyến trại công binh Mỹ và giữa trung tâm tỉnh bắt đầu đỏ. May cho K'Hôn về kịp, một chút nữa thôi sương sẽ mù ngập hết. K'Hôn. Buôn Ta-la đã mất, làng Ta-la vẫn chưa có ai già hơn K'Hôn.

Cách bờ đường một đoạn dốc nhỏ ngắn, K'Hôn và con bé đứng lại. Con bé đứng thẳng chăm chú nhìn lên đoàn người, và K'Hôn như đã kiệt sức, như không còn muốn gì nữa, một tay bám vào vai con bé, một tay bọc trên đầu gây gục mặt xuống. Trên này đường cả đoàn người xếp dài u mê. Chợt một người đàn bà lưng mang gùi, tay bưng trái bầu khô đựng nước, lạng lẽ bước xuống đoạn dốc, tiến gần lại K'Hôn. K'Hôn ngừng nhìn, đưa bé gái đưa tay chỉ trỏ gì đó, người đàn bà gật gật và đưa bầu nước cho K'Hôn. K'Hôn nống, chuyển sang đưa bé, tiếp tục động dẩy chuyện trò với người đàn bà.

Đêm đang dày dần, vàng trắng non bạc chênh lệch hiện lên ở phương Đông, trên lớp sương mù trắng núi. Bóng

tối làm những ngọn đèn quanh phòng tuyến trại công binh sáng rõ hơn. Bên kia những đồi trà, chốc chốc vài ba loại đạn nổ ran lên với tiếng bom tàu bay dội nổ 1 âm xa xăm trong núi. Con bé vẫn ôm trái bầu khô uống hết hơi này đến hơi kia. K'Hôn và người đàn bà vẫn mấp máy thì thầm gật đầu lắc đầu, đoàn người lặng câm trông xuống. Có những bài diễn văn hùng hồn với đôi má phúng phính mưu toan của tổng thống Nixon trên những khổ váy bần thiếu lưng thụng của đoàn người đó? Những khổ váy tối, những khuôn mặt tối, những đôi mắt hấp háy mù lòa, những ống chân đen, những gùi mang nặng trĩu, những cái lưng gập thấp, những lớp da bụng nhăn nhúm phơi trần. Trái bầu đựng nước trắng ửng trên hai bàn tay đứa bé ôm dựng ngược lên. Làm sao tưởng tới được những hội-nghị-tại-bình-nâng-cốc-chế-bom, những bản đồ thế giới chẳng chịt từng vùng xanh đỏ, vui buồn nào của cụ Hồ chí Minh đã chết; làm sao biết được ông Mao Trạch Đông, ông Võ nguyên Giáp, ông Thiệu, ông Kỳ đang nằm ngời ăn uống thế nào. Làm sao tưởng ra được đôi mắt đấng xót của anh chàng K. Marx trí thức trẻ đứng nhìn đứa bé gái 12 tuổi ôm ổ mì cười giữa thành Reims. Một đứa bé gái ôm ổ mì vừa bán tròn kiêu được cười giữa thành Reims nước Đức, đầu thế kỷ 19; và một đứa bé gái khác, cũng cỡ tuổi đó, đang ôm cứng lấy trái bầu khô đựng nước giữa chiều Nam Việt nam trong cuộc chiến tranh mệnh mông tàn khốc cuối thế kỷ 20. Bao giờ thì những bất công những bạo lực những nghèo đói không còn. Có ngày nào con đại hồng thủy dâng tràn lên quét sạch cả mặt đất này như đã chếp ở những trang đầu cưu ước.

Không biết. Không ai biết K'Hôn và người đàn bà đang chuyện trò gì cả. Hơi sương lạnh đã pha đậm trong không khí, thấm vào từng hơi thở. Đoàn người vẫn đứng yên. Trên lưng đồi phương Đông vàng trắng bạc thếch lên cao dần.

Theo cánh tay người đàn bà dắt, K'Hôn chống gậy khó khăn

trèo lên ngọn dốc. Đứa bé gái ôm trái bầu nước chậm chạp theo sau. Đoàn người vây lại, bọc quanh. Những người lớn chen tới hỏi han tỏ dấu mừng ; và có lẽ chưa bao giờ thấy ai già như thế, đám trẻ dương mắt đứng nhìn, lăm lét cười dõn xỏ đuổi nhau. Càng lúc lớp người vây quanh K'Hôn càng đặc dày thêm.

— Về chiều hồi à ?

— Về chiều hồi phải không ?

— Thằng K'Đơn đâu, súng đâu ?

— Ờ, súng đâu rồi ?

K'Hôn nhìn đám đông, nhìn xuống đất, lắc đầu. K'Đơn đâu. Đôi mắt K'Lo đầy nước, ứa tụ thành hạt vắt lăn qua khuôn mặt tối tăm khuất sau đám đàn ông chen lấn tới, tiếng nấc nghẹn khuất vào tiếng động cơ của đám xe gắn máy từ bên kia vừa rú chạy về. Khuất lấp với đêm. K'Đơn. Biết bao giờ K'Đơn mới vác súng bỏ đội chiến đấu về chiều hồi. Sao K'Đơn không theo K'Hôn mà về ? Thôi chắc K'Đơn không bao giờ về cả đâu. K'Lo kéo sát thẳng bé K'Briu vào mình, đứng dương đôi mắt ửng nước chăm chú nghe con bé kể về chuyến đi một ngày vừa qua với K'Hôn từ rừng già đến đây : sợ gặp lính hành quân, sợ tàu bay và đại bác Mỹ, bom dội nhiều nơi banh nát cả từng ngọn đồi, đi từ sáng tới giờ không gặp ai cả, đường khó đi. Những hình ảnh theo lời kể chập chùng ẩn hiện trong đầu óc K'Lo, thậm thẳm cái bóng K'Đơn ở đó, K'Đơn chạy giữa đạn bom hút khuất vào rừng già, K'Đơn nheo mắt cầm súng bắn vào lính Mỹ, K'Đơn ngã xuống đứng dậy. Giữa bóng tối, K'Lo xòe tay bưng kín khuôn mặt. Câu chuyện rời rạc đến một đoạn nào đó bị bỏ lửng hẳn, một người hỏi chen vào, câu hỏi cũ :

— Thế về không có súng à ?

— Súng đâu có.

Con bé ngược nhìn cái đầu già nua của K'Hôn lúc lắc qua lại, đáp thay. Một câu hỏi khác thoát ra từ những mặt mày lem nhem :

— Không có gì cả sao ?

— Có tờ giấy.

— Giấy gì ?

Tờ giấy dấu trong lưng váy con bé được kéo mang ra, những

mặt mày lem nhem úm gằn lại. Tờ truyền đơn chiều hồi có hình vẽ có gái thượng ngồi uống rượu cần cạnh thẳng linh mang súng đội nón sắt đứng cười. Người này cầm xem, người kia dụi lấy như chưa ai từng thấy bao giờ. Nhiều tiếng cười bùng lên, nhiều tiếng kêu lớn : K'Kha đến. Đám người tự động vệt dãn ra. K'Kha tiến vào, bộ áo quần trần vải xanh, cái radio đeo bên lưng còn be be chương trình cải lương của đài nào đó chưa kịp tắt. K'Kha vỗ vỗ vào vai K'Hôn :

— Về đây à, về chiều hồi à ?

K'Hôn yên lặng gật đầu, tiếng nói thều thào khuất trong cổ họng :

— ... chiều hồi...

K'Kha cúi sát người xuống, tiếng cười hô hố với tiếng ca cải lương kẻ lẽ làm nhảm bên hông :

— Nhớ tao không ? Tao là K'Kha đây.

K'Hôn gật đầu. K'Kha đứng thẳng lên cười vỗ ngực.

— Tao là ấp trưởng đây. Thế thằng K'Đơn cháu mày đâu rồi sao không về một lần cho luôn ?

K'Đơn. Câu hỏi vẫn chỉ được trả lời với cái đầu gật gật. Tất cả lại im lặng, im lặng cho đến khi bọn chức sắc của ấp Ta-la qua kêu được xe jeep bên ty chiều hồi tới. Đèn xe lóa sáng soi rõ cả một khoảng đường dài. Đám người lúc nhúc tránh vệt ra, xe đến đỗ lại, ông cán bộ và hai người lính bước xuống. Tiếng nói cười rộn lên theo tiếng máy xe. K'Hôn và đứa bé được hai người lính nhấc đẩy lên xe. Xe quay đầu về ty. Đám người chức sắc của ấp Ta-la lại rú xe gắn máy rượt đuổi theo vừa rú chạy vừa la hét kêu nhau như bộ lạc đầu mới săn được một con mồi dữ sau nhiều tháng tìm kiếm rình mò.

Những ngọn đèn xe đều hướng cả về mạn trước, xa dần. Bóng tối trở lại bùng kín trên con đường và đoàn người lê thê vô ghì trò chuyện. Kể cả thằng nhỏ K'Briu đang bám lấy tay mẹ và con K'Mần đang chuyện trò. Không ai biết con K'Lo khóc hết. Tối quá.

Những bức tường gổ đầy bụi vàng ửng dưới ánh sáng của

chiếc bóng điện treo thông giữa trần nhà. Sổ sách mở ra bỏ không suốt ngày đã được xếp cất bây giờ phải mang ra lại. K'Hôn ngồi vào cái ghế nhỏ, bọn K'Kha đứng quanh ngoài cửa. Người cán bộ kiểm tìm gì đó vừa lục lạo trong các ngăn kéo vừa chửi rủa một người vắng mặt : đặng đến phiên trực là cứ viện đủ cớ để ở nhà giao lại cho một mình người ta biết sao bây giờ ; một lúc sau y cầm cây bút chỉ quay sang với K'Hôn, đôi mắt cau lại :

— Con bé kia đâu rồi ?

— Đây đây.

K'Kha la lớn, dắt con bé vào, tiện dịp đứng lại bên cạnh K'Hôn luôn. Người cán bộ vẫn nhìn nhieu lăm lăm : đặng bộ hết giờ rồi sao chọn giờ này mà về chiều hồi, may không bị bọn đi kích nó bắn. Câu lăm lăm này tiếp sang câu lăm lăm kia, đôi mắt vẫn cúi nhìn xuống sổ, không dưng y hỏi lớn, giọng khô khan :

— Tên gì ?

K'Hôn và đứa bé gái vẫn ngồi im lặng. K'Kha cười trả lời giúp :

— K'Hôn.

— K'Hôn. Còn con nhỏ này ?

— K'Breó. Con nhỏ nói, đáng sợ hãi.

Ghi xong hai cái tên đầu hai trang giấy, người cán bộ lại ngừng lên, nhieu mày hỏi, tiếp :

— Tuổi. Bao nhiêu tuổi rồi ?

Vẫn như cũ, như không nghe thấy, còn bận trầm tư mặc tưởng về một vấn đề gì đó ghê gớm lắm, K'Hôn lặng lẽ với hai ống chân đen đúa rủ dài cạnh cây gậy. Người cán bộ hỏi thêm lần thứ hai, lần thứ ba. K'Hôn ngược nhìn, vẫn yên lặng. Câu hỏi sang lần thứ tư, bàn tay người cán bộ nắm chặt đập xuống mặt bàn gây thành tiếng động lớn :

— Năm nay mày mấy tuổi rồi, bao nhiêu tuổi rồi ?

Im lặng thêm một chốc nữa, K'Hôn trở mình nói cộc lốc :

— Năm mươi.

Người cán bộ chưa kịp ghi, K'Kha vội vã nói chen vào :

— Năm mươi sao được, tao trẻ mà năm mươi lăm rồi nè.

Hai cánh tay K'Kha đưa ra phân bua với đôi mắt K'Hôn hấp háy ngó lên, rồi hần quay lại quả quyết với người cán bộ. Nó chắc một trăm rồi, một trăm tuổi rồi đó ông.

Một thằng từ ngoài cửa đi vào tiếp thêm : nó chắc một trăm rồi ; nhiều thằng khác vào theo : ừ, nó chắc một trăm rồi, nó là ông nội của thằng K'Đon mà, nó một trăm tuổi rồi đó. Người cán bộ tỏ dấu khó chịu đứng bật dậy, xua bớt đám người mới vào ra và chăm chăm nhìn khuôn mặt K'Hôn một lúc. Chợt có tiếng reo mừng trước cửa : à K'Hôn về à K'Hôn. Tất cả quay lại : thằng Mang Đum, một Thượng cộng vừa chiều hồi về tuần trước. Người cán bộ vẫy hần đến :

— Mày biết ông già này bao nhiêu tuổi không ?

— Chín mươi, nó chín mươi hai rồi đó.

— Chắc không ?

— Chắc mà.

— Sao mày biết mà bảo chắc ?

— Tôi ở với nó mấy năm này mà.

Người cán bộ cúi xuống ghi tiếp vào cạnh cái tên ngắn sau một hồi lăm nhăm tính toán : sinh năm 1878, rồi lại ngừng lên hỏi tiếp sang phần khác :

— Có súng đầu đầu không ?

K'Hôn im lặng, Mang Đum nhanh nhẩu :

— Không có đâu, ai mà phát súng cho nó, nó ở đội sản xuất mà, cháu nó kia, thằng K'Đon kia mới có súng, thằng K'Đon được đưa qua chủ lực rồi.

Người cán bộ gật đầu cười khê với Mang Đum, hỏi tiếp K'Hôn.

— Sao ông về mà không rủ thằng K'Đon về ?

Vẫn cái giọng nhanh nhẩu, thằng Mang Đum lại hoa tay múa chân nói từng tràng dài :

— Ồi, Thằng K'Đon nó không về đâu, nó giỏi lắm ông ơi, nó bắn B40 cháy xe Mỹ, nó dợt được súng mà. Cả mấy trăm người Việt-nam-mới chỉ mình nó là được đưa qua chủ lực. Can đảm mà. Người kinh cũng ít người được qua chủ lực lắm. Khó lắm.

Người cán bộ đưa bàn tay cầm viết làm dấu hăm cái miệng

nhiều chuyện của thằng Mang Đum lại, tiếp tục việc kê khai lý lịch, hỏi K'Hôn:

— Không có súng, thế có mang về được cái gì không? H'Kha lấy tờ truyền đơn đã dấu từ hồi nãy, đưa ra:

— Chỉ có cái này.

— Làm sao mà có, lượm ở đâu? Người cán bộ vừa ghim tờ truyền đơn vào trang giấy viết dở vừa hỏi, giọng đều đều thân mật. K'Hôn ngồi bất động nhìn mặt bàn, nói như nói một mình:

— Người ta cho.

— Ai cho?

Người cán bộ nhún mày lên tỏ dấu bức tức:

— Người nào cho chứ, ai cho mày? Bộ Việt cộng à?

K'Hôn vẫn ngồi bất động, câu hỏi được lặp lại: người nào cho mày, chợt hắn động dậy gật đầu đáp khẽ: ừ. Đám chức sắc của ấp Ta-la cười bùng lên. Người cán bộ gấp mạnh quyển sổ, nói cộc lốc:

— Thôi. Đem.

Như mọi đêm sang ngủ nhờ, bọn K'Kha lại tụ quanh bếp lửa nhóm sau góc gác ngồi hút thuốc nói gẫu trước khi vào giường. Đêm nay có thêm ông già K'Hôn và con bé K'Breo. K'Breo không cha mẹ, không biết được sinh đẻ ở đâu nhưng thuộc rất nhiều bài hát và K'Hôn thì già yếu quá rồi.

Một miếng cao su đen dốt lên làm mồi, thêm vài miếng giấy đồ hộp, rồi những thanh củi lớn nhỏ chất vào theo. Ngọn lửa bùng bùng cao lên, nhấp nhòa soi sáng dần những mặt người đen đúa râu rắng. Câu chuyện này gọi lên câu chuyện kia, nối móc vào nhau lan man vô tận. Những thung lũng, những ngọn núi mù tằm cây lá đầu trên kia được nhắc đến: Ta-lung, Đamriêng, Chu lơ, Đamra, Tam-rẻ; và những tên người: K'Dơn, K'Vắng, K'Mương, Phương Lan, Kim Thọ, Tuy, Dương, Kim Xuyên, K'Bơn... Ngọn lửa càng lúc càng bốc

cao. Câu chuyện dài dài, những khoảng im trống buồn bản. Lâu lắm, như vừa chợt nhớ ra, K'Kha vạch cho K'Hôn thấy con đường ngày mai của hắn: ở đây một thời, có lẽ già như mày người ta cho ở cỡ một tháng thôi, xong sẽ được cấp giấy về làm ăn. K'Hôn ho húng hắng, ôm ngực nhìn K'Hôn hồi chậm rãi:

— Ấp sao?

— Ấp là buôn đó. Về ấp làm ăn.

— Làm ăn à?

— Bộ ai nuôi mày hoài sao.

Im lặng. Bếp lửa đang tàn lụi dần, những phiến than đỏ hừng rợn lên với từng đợt gió lạnh se tràn qua. Đàng ra như mọi hôm trước, bây giờ bọn K'Kha sẽ ngồi sát vào nhau hơn, sát gần vào bếp lửa, đưa tay sưởi đợi lửa tắt vào ngủ; nhưng đêm nay có K'Hôn và K'Breo về, bếp lửa được nối thêm một số củi mới. K'Kha dọn những mẩu củi chưa cháy hết bỏ vào giữa bếp, bỏ thêm vài khúc củi lớn. Đám chung quanh bỏ mỗi đứa thêm vài khúc củi lớn. Ngọn lửa bị ém thấp xuống một lúc, ngã mờ đi. Đây là dân ấp Ta-la, có thằng K'Kha ấp trưởng và thằng K'Hôn chiêu hồi. Đây là con dân của buôn Ta-la giữa con thiên tai mịt mù vô phương chạy trốn đang rúc đầu lại lạnh căm quanh bếp lửa truyền nối từ hàng vạn đời tiền tổ âm u với non núi bạt ngàn. Còn gì nữa đâu. Có cái ống nứa nào đựng nước cho thằng lính dữ K'Ngoai K'Sâm bỏ vợ con mang đi viễn chinh qua đất Miên Lào trùng điệp. Có bình rượu cần nào cho thằng K'Dơn để lưng trần uống say ngồi hát sau khi bắn B 40 đốt cháy xe Mỹ. Những khúc củi bắt dần lửa, ngọn lửa vuron cao lên. Những khuôn mặt lem nhem yên lặng. Những ống vố, những điều thuốc thở khói âm thầm bạc trắng giữa ánh lửa, hút thắm vào đêm. Chợt thằng K'Hôn tăng hắng ôm ngực ho, quay lại nói gì đó với con K'Breo một lúc lâu, nghe vắng thoảng hai tiếng ngắn điệp lui điệp tới: làm ăn. Bọn K'Kha bó gối ngồi nhìn hai đứa chuyện trò. Có lẽ K'Hôn đang rủ K'Breo cùng sống để làm ăn với nhau, cùng chung vai góp sức phá đồi cây gốc, tạo dựng một căn nhà sàn giữa ấp Ta-la, cùng sinh con đẻ cái nối truyền. Một căn nhà sàn nào đó sẽ có mái có vách, có giấy cột cửa, có cầu thang

bước lên che chụp nắng mưa cho đôi bạn tai ương thắm thiết, cho những hài nhi eo óc ra đời. Những củ lửa sáng chiều, những bữa ăn, những lo âu, những vui buồn, những trái cây tinh cở hái được trong rừng mang về để dành cho nhau, những hy vọng với từng hạ mầm ươm xuống, những giấc mơ nửa đêm âm thầm. Một thằng Cộng sản già nua 92 tuổi đời theo người phản đảng và một con bé 12 tuổi còn thuộc nhiều ca khúc chống Mỹ cứu nước của Giải phóng quân. Khúc hát nào sẽ hát thờ thần bằng khuông vui theo một mình, sẽ hát ru con, sẽ hát ru nhau ngày xuôi tay nhắm mắt. Thằng K'Hôn đã trở về với chính nghĩa quốc gia sau thời lằm lặc, sẽ được chết ở đây, bởi không còn đủ sức dâng vào bất cứ một thứ linh đĩ nào cho con K'Breo cầm bĩ thư đi tìm, để đánh trận chết xa. Và con K'Breo sẽ một ngày ngồi nghỉ ngơi, bùng mặt khóc thương đời K'Hôn. Chắc chắn thế. Ngọn lửa đang chấp chớn soi thấy cái tương lai đó. Tất cả đám người như những khối gỗ mù lòa K'Hôn gục đầu lên gối, hai ống tay xương da nheo khô đen vòng ôm lấy mái tóc bạc trắng, hai miếng ngà voi bên lỗ tai gác kênh trên cánh tay. Gió từng đợt triền miên xô lay ngọn lửa qua về.

Có tiếng i ô không rõ bên ngoài cổng, rồi tiếng thằng lính gác kêu lớn: K'Kha, K'Kha. K'Kha đứng dậy đi ra, lúc lâu sau quay trở vào, ngồi lại chỗ cũ, đem thuốc hút, đưa tay sờ trên lửa. Một thằng trong bọn hỏi trống.

— Gì thế ?

— Con K'Lo.

— Con K'Lon sao ?

— Nó hỏi thăm tin thằng K'Đơn.

K'Hôn đang gục đầu bất động chợt ngừng lên, chăm chăm nhìn vào ngọn lửa, nhìn sang K'Kha, giọng nói tắt nghẹn giữa cơn ho húm hắng, tiếp lại, khô rõ lạ lùng :

— Nói thằng K'Đơn bom đội chết rồi.

Tất cả vẫn ngồi lặng yên. K'Kha đứng dậy la lớn ra ngoài. K'Đơn bom đội chết rồi. Tiếng thằng lính gác nói tiếp như tiến vọng trong hang đá sâu : chết rồi. Thằng K'Hô gấp đầu trở lại giữa hai cánh tay bọc quanh. Thằng K'Kha vén những khúc củ tàn. Con K'Breo đứng dậy đi kiểm thêm những khúc củ khá

mang lại bỏ thêm vào bếp. Đêm vắng tanh bát ngát, không trăng không sao. Sương càng lúc càng dày đặc dần. Xa dần bên sau Ta la nhiều loạt đạn thoát nổ ròn tan, một trái sáng bắn lên mù ủa soi trên vùng sân bay, đại bác bắt đầu bắn đi, và chuông giáo đường rỗng rã đồ. Một đứa nào đó nói như đang ngủ mê giữa vùng sân tối rộng trước dãy nhà im tằm : 8 giờ rồi, Y Brư.

ngụy ngữ

(tháng 8.1970)

DU TỬ LÊ

trong vòng rào thơ ầu

Những ngày mưa cùng với sự khuất bóng Cung đã lặng lẽ vào sâu tâm hồn tôi bằng lối đi riêng của những âu lo, thẳng thốt không lời. Những ngày mưa như tiếp tục nhận chìm thêm ngày về của Cung, trong ngóng trông của những buổi chiều đời tôi, đặng đặng, không đi.

Những khóm chuối tiên lớn vòng như thời. Mấy gốc chanh cũng bắt đầu đơm những bông hoa trắng, nhỏ xinh như những cánh bướm tí tẹo. Dàn hoa bìm bịp cũng đã leo lên mặt rào kẽm, tạo thành một đường viền tím với những cọng lá xanh muốt, trông xa như một tấm màn lụa mỏng rủ quanh mặt tiền ngôi nhà.

Trong sân, mấy ngôi mộ cổ, nằm lẻ loi một góc trong dáng của những con kỳ lân mệt mỏi, phủ phục trước sự im lặng thẳm cùng lạnh lẽo của thời gian và hư vô.

Tôi ngồi những buổi chiều cực hình trong cảnh tượng đó. Những buổi chiều Cung ở một chốn nào, với ai kia, tôi không thể tưởng tượng. Những buổi chiều sau cơn mưa, trời long lanh sáng, màu sáng của ngọc thạch nhưng lòng tôi lại la đà những đám mây ăm ắp hơi nước, những đám mây chì thấp xuống, trùng lại vùn vụt trong âm ức của một cơn bão lớn. Dù có nghe

kề lại, Cung cũng không thể hiểu được nỗi đau đơn, dày vò trong tôi, những ngày bần bật tin nhau. Anh không hiểu hết được tình em đâu, Cung ơi.

Mỗi ngày bước qua ngày thứ bảy, ngày Cung hẹn về, tôi cứ cảm thấy mình đang trên đà phóng tới hụt hơi, hết sức. Cung không thể vào thăm tôi sau bảy giờ tối, và tôi cũng đã trôi sang ngày thứ mười của những buổi chiều ngồi nghe ngóng tiếng xe xa.

Tôi không còn đủ kiên nhẫn và bình tâm dành cho sự chờ đợi nữa. Tôi cũng đã hết, không còn sức để giận hờn Cung. Tôi cảm tưởng mình đã lạnh băng, khô chết.

Giữa lúc này, gia đình tôi đã có tin về chị Phượng, chị đang ở tại một tỉnh nhỏ trên cao nguyên, và một mặt khác, gia đình tôi lại được tin báo người đàn ông, cha của chiếc bào thai, chị Phượng mang trong bụng, cũng đã bỏ hẳn vợ con, ra đi từ hôm đó. Phải đó là nguyên nhân khiến cho vợ ông ta ném giấy hăm dọa vào nhà tôi? Ba tôi vẫn không phát biểu ý kiến nào về trường hợp chị Phượng. Người trầm hẳn lại, ít gắt gỏng hơn, nhưng suốt ngày vẫn không hé răng nói một lời. Người lặng lẽ ra vào với chiếc bóng lênh khênh gầy gò đổ xuống. Lúc này cũng là lúc tôi bị ám ảnh bởi nhiều hình ảnh, nhiều ý tưởng lộn xộn, mâu thuẫn, hãi hùng. Điều trước nhất, tôi muốn nói, là cái cảm tưởng bị theo dõi bởi một kẻ vô danh nào liên tiếp, một tuần qua, vào mỗi sáng tôi đi chợ. (Từ nhiều năm, công việc chợ búa hầu như mẹ tôi đã giao hẳn cho tôi, dù tôi có bận học thì hay công việc gì khác cũng vậy. Có lẽ mẹ tôi là một trong số ít ỏi những bà mẹ xưa còn sót lại, quan trọng việc chu toàn bếp núc cho con gái. Người không muốn sau này, lúc tôi đi làm dâu; gia đình nhà chồng phải chê trách tôi về những điều nhỏ nhặt đó). Cảm giác gai gổ đã xâm chiếm, đã ảnh hưởng thần kinh tôi; trong cả giấc ngủ, bắt đầu từ hôm tôi tỉnh cơ nhận diện được cái bóng đen đã lặng lẽ theo dõi tôi từ nhiều ngày trước. Đó là một người thật. Một người bằng xương thịt. Một thiếu phụ, tôi xin nói ngay, cũng trạc ngoài ba mươi, như chị Thúc đã nhìn thấy trong đêm ném giấy vào nhà. Chị ta có khuôn mặt vuông, trán hẹp và lép, con mắt hơi lồi, chiếc cằm bạnh, lưỡng quyền cao, đôi môi dày, mái tóc thả không chải, xác xơ từng sợi như một mớ rơm khô. Nói

vấn tất là chị ta có khuôn mặt của một người đàn ông xấu trai và dữ tợn. Hai tay chị ta luôn luôn buông thõng, xuôi theo hai ống chân khẳng khiu, và hình như nó thường đóng đưa một cách rất tự nhiên theo từng cơn gió. Chị ta đứng khuất sau một chiếc xe bán nước trái cây xay, ở ngã tư đường, chỗ bắt buộc tôi phải đi ngang trước khi tới chợ. Tôi đã lầy bầy riu riu chân đi khi nhận ra những tia nhìn đục ngầu thù hận, từ đôi mắt chị ngầu đỏ, nhắm đích tôi nên thẳng tới. Tôi không biết người đàn bà này có phải là người mà chị Thúc đã thấy trong đêm kia? Nhưng tôi cũng không thể tự dối mình rằng, chị nhắm một người nào đó, khác hơn tôi. Tôi không dám thuật lại chuyện này cho chị Thúc nghe. Vì với chị Thúc bất cứ chuyện lớn, nhỏ nào cũng có thể trở thành ầm ĩ một cách không chủ tâm. Những chuyện được yêu cầu chị giữ kín, lại là những chuyện được phổ biến nhanh chóng hơn cả. Chị có tính vô tâm của một người đàn bà không bao giờ hại người khác. Như vậy, ba tôi sẽ biết, mà tôi thì không muốn người phải nghĩ ngợi thêm. Mặt khác tôi lại lo sợ vẩn vơ, nếu gia đình tôi, không hay biết chuyện này, rồi một sáng kia, tôi đi chợ và sẽ không trở về, hay có trở về thì cũng với những nhát dao đâm nhều trên thân thể. Làm sao biết trước được một người đàn bà trong cơn điên rồ họ sẽ làm những gì và không làm những gì.

Thêm vào đó, báo chí không ngớt đề cập tới tình trạng lộn xộn, liên tiếp xảy ra ở vùng cao nguyên. Hôm thành phố này bị pháo kích, hôm thành phố kia bị tấn công. Tôi muốn nờ tung với những bản tin chi tiết của những cuộc lộn xộn này. Đời sống ta hôm nay, còn gì vững bền đâu. Chết hay sống chỉ còn là vấn đề của thời khắc. Một phút trước, một phút sau. Gọn gàng, mau lẹ, cả chục người, cả trăm mạng. Ý nghĩ chàng đã không thực tình yêu tôi, chàng đã coi rẻ tình yêu tôi, dành cho chàng, làm tôi ghen ngào, tức tưởi. Phải trọng tình yêu, kẻ nào càng đắm đuối, càng đam mê bao nhiêu, kẻ đó chỉ gánh chịu thiệt thòi, và thua lỗ thêm bấy nhiêu mà thôi? Chung quanh, với cuộc tình của chị Thúc dành cho anh Chấp, của Ngô dành cho Phàng đã gây trong tôi cái ý nghĩ chua chát đó. Tất nhiên là tôi không tỏ ý so sánh cuộc tình tôi với những người đó — không. Chẳng bao giờ

có thể có một cuộc so sánh mà sự sai biệt đã có tự căn bản. Nhưng tôi cũng không khỏi tránh lòng khi thấy những người chung quanh mình như Thúc trút cạn cả tâm hồn cả ý nghĩa sự sống cho tình yêu thì được đền lại bằng sự thật, bờ hôn, Ngô về với vết thương còn dưng da non trên ngực để rồi chạm mặt với sự cợt nhả, khinh khi ngay từ cung cách nhố nhăng của Phàng trước đám đông, kịch cỡm, ghê lở. Tôi cố tránh mọi phê bình về những người chung quanh. Ngay cả chuyện của chị Thúc cũng là chị ruột của tôi. Nhưng chị Thúc đã không chịu hiểu thế. Cả Chấp nữa. Chấp bán tin cho tôi qua Thúc về những điều xấu xa của chàng, trong khi chàng đã nói cho tôi nghe hết. Có lẽ tại Chấp tưởng chàng đã đem tất cả mọi chuyện riêng của Chấp ra nói với tôi, sự thực Cung luôn đề tôi thấy Chấp là một người hoàn toàn bởi chàng đã từng có một thời thân thiết với Chấp. Một lần Chấp còn bảo với Thúc rằng chàng bị đuổi đi và đã phải chạy tiền để được ở lại. Tôi run người khi nghe tin. Không. Không thể để chàng làm một việc mất tư cách như vậy. Và thâm tâm, tôi cũng không tin Cung có hành động ấy. Ngay lập tức tôi đi tìm Cung. Nghe xong, Cung giận, tái cả mặt. Tôi đã lo Cung sẽ đi tìm Chấp và sẽ có một màn phân trần chối quanh của Cung, nhưng lát sau, Cung chỉ cười nhạt lắc đầu bảo, Chấp có mục đích riêng khi loan tin như vậy. Cung chẳng nên giận làm gì. Ai cũng có phần tốt phần xấu. Khi kịp nghĩ quyền lợi của họ bị lung lay thì đến anh em họ cũng còn mưu hại hưởng hồ chi bạn bè. Thử tình bạn thời buổi này! Và từ đó, Cung đối xử với Chấp, khác hẳn thuở xa xưa. Đến bây giờ tôi nghĩ chắc Chấp vẫn không hiểu được nguyên nhân gần xa của sự thay đổi này.

Tất cả những chuyện lật lọng này đã tạo thêm khó khăn cho cuộc tình chúng tôi. Chị Thúc càng ngày càng tỏ ra khó hiểu với những hằn học, vô cớ. Tôi thấy mình bị đẩy đưa đến chỗ xa lạ với tất cả mọi người thân trong gia đình. Tôi như một con ốc thu rút mình trong chiếc vỏ cứng. Và trong chiếc vỏ cứng này, tôi đã tạo cho tôi một thế giới biệt lập với những tính toán, những mơ ước cho một cảnh đời riêng, một cảnh đời được ở trên những bần chạt nhỏ nhen, đề tiện của đời sống trong đám đông.

Buổi chiều đã tắt hẳn ở phi trường. Khu vườn trước mặt đã chìm trong màn sương nhờ nhoẹt bóng tối. Con đường chạy ngang chìm trơ trong ánh sáng vàng héo của những cột điện thưa. Tôi nghe lại, thêm một lần nữa, tiếng nói câm, vang âm trong hồn tôi. Bao giờ Cung mới về, Cung ở đâu ? Hay chúng ta đã vĩnh viễn xa lìa nhau ? Em sẽ phải làm gì nếu chẳng may anh chết ?

du tử lệ
(10-70)

PHẠM CAO HOÀNG

thơ

SẦU XƯA

hồi thành phố của mười năm đó
còn gì không trong đám bạn bè ta
bởi quá xa nên lòng phải nhớ
và thật buồn dù không nói ra

hồi những giọt sương trong nắng sớm
có còn không những gót chân hồng.
mùa đông đã tàn như đóm lửa
mười năm rồi còn nhớ ta không

xa hun hút và xa muôn kiếp
lòng muốn về nhưng chân không về
hồi con đường phượng bay trong nắng
đường có hồng lòng dầu bề chưa

chiều nay ngồi uống ly rượu nồng
nhớ chân em đạp nát mùa đông

vẫn còn vui vì còn đời sống
vẫn còn buồn vì còn cách ngăn

ngó mây trắng bay qua đầu núi
thấy lòng se một nỗi xa xăm
thấy chim vỗ cánh về phương bắc
ta mơ đời như cánh chim xanh

hồi ta lưu lạc mười năm trời
có còn nhớ mùa nào lá rơi
có còn thương chiều mưa ướt phố
có còn buồn như giọt nắng rơi

thì rượu đây sẽ nồng tình cũ
dấu xa rồi không biết nhớ ai
nhớ sớm nhớ chiều và nhớ tối
chân không về nên lòng nhớ hoài

SẦU RIÊNG MỘT CỐI

ta có lòng ta sầu chơi vơi
buồn mênh mang suốt mấy năm trời
một nửa đời bay trong phù phiếm
tuổi ba mươi lòng gửi muôn nơi

bóng thanh niên mờ trong hơi rượu
rượu tàn canh rượu sáng tình sương
đời ta buồn, có ai mà biết
đời ta sầu có ai mà thương

ngủ suốt đêm nay chờ tỉnh mộng
thấy em ngồi khóc giữa đời ta

mắt em vời vợi màu thu biếc
cũng đủ cho lòng nghe xót xa

thức suốt đêm nay chờ đêm sáng
đợi tiếng ai hát giữa mù sương
thôi có lòng ta sầu vạn đại
sầu mênh mang suốt mấy năm trường

em bỡi, bên kia bờ ngăn cách
có còn hong tóc dưới chiều xanh
mơ thấy dáng em hồng một cõi
cõi nào buồn hơn cõi sầu riêng.

phạm cao hoàng

TRẦN HOÀI THU

trong đôi mắt chúa

*Hồi tố của hành lang mưa ngày nào
hãy nghe mưa dùm anh cho hết đêm nay.*

Phạm Cao Hoàng

Trường Thế, Nho Lâm, An Cửu, Tân Dân, người lính trở về đứng dưới gốc cây sù trở bông, nhìn đám lửa bốc lên từ hướng núi. Trong gió Nam lồng lộng thổi, cuốn theo đám bụi khô nồng, xoáy cả lưng trời, thỉnh không một cơn nắng rát, có tiếng chim tu hú nổi lên ở bờ lau dại. Trường Thế, nhìn sang Nho Lâm, ai mỗi mồn trông một ngày về để nhìn đám ruộng, đám mía khô cằn xơ xác. Trường Thế nhìn sang Nho Lâm, một đỉnh giáo đường đen sậm, lơ lửng giữa lưng trời xanh, để thấy những nhánh phượng đỏ thắm tội nghiệp trên một nóc giáo đường không ai thăm viếng. Những nhánh hoa phượng phát phơ đầy quyến rũ ở một chân trời nổi bật giữa một màu xanh ngàn bạc, giữa một màu vàng hiu hắt của đám lau khô, giữa sự bí mật nào nề, đầy những đôi mắt. Người lính bỏ súng xuống, thở hắt hần. Mồ hôi ri rỉ trên vầng trán đen sậm. Gió Nam vẫn thổi, lùa những chóp tre quần quai, làm rên rĩ miếng vải căng ngoài hiên nhà thờ, và thỉnh thoảng một vài con chim nhỏ, vụt bay lên trong lòng nhà thờ u tối, thăm

thăm. Anh ngồi xuống bậc tam cấp, hai vai nghe nặng nề. Chút nắng lọt qua khung cửa vòng cung, cũng không đủ để anh nhìn thấy những gì ở đằng sau hàng ghế giảng đạo. Có gì ở đằng sau đó. Hay là bức tượng Chúa, đóng đinh trên thập tự giá, hay là những ngọn nến lung linh trên điện thờ, hay là bức tranh ngày Chúa về pháp trường, giữa đoàn quỉ sứ. Đằng sau đó, bên trong lòng tịch mịch của một ngôi giáo đường làng, anh như nghe được tiếng cầu kinh thầm thiết, anh còn như thấy được bóng cha xứ, áo đen rộng, tóc bạc, đôi kính trắng đang giơ hai tay lên cao, đang cúi xuống, trong ánh nến lung linh của một ngày lễ đạo. Và ở dưới bậc thềm giảng đạo, mẹ anh đang quỳ xuống, đôi mắt nhắm lại, lộ gương mặt già nua tội nghiệp. Tất cả như sống lại trong lòng anh, chẳng khác một cuốn phim dĩ vãng. Thằng bé quần đùi áo cánh, theo mẹ, băng qua con đường nhỏ, dưới những bóng cây mù u, sầu đông. Thằng bé đi lên chiếc cầu đá, nhìn xuống giòng nước xanh, chảy luồn dưới hàng tre rậm, để trí não mơ mộng một chuyến đi. Người mẹ hiền từ, quỳ xuống bậc thềm tam cấp, hôn vào bàn tay cha xứ. Chim đã riu rít trên nóc giáo đường, trên hàng xứ bông trắng, trên hàng phượng đỏ thắm, trên những hàng sầu đông mới lớn. Thằng bé vẫn còn say mê ở một chuyến đi. Chuyến đi của những người anh về miền biên khu thăm thăm. Chuyến đi khi xóm đạo bắt đầu rung chuyển. Tây đồ bộ xuống bờ biển Qui Nhơn, Tây đồ bộ về Phước Lý, Tây theo tàu xuống cửa bè Đề gì, Tây nhẩy dù lên Gò Bồi, Tuy Phước. Xóm đạo trở nên rung động. Nhà Thờ Trường Thế, buổi hoàng hôn, giục tiếng chuông. Nhà Thờ Gò Bồi, giục tiếp. Tiếng chuông đổ dồn dập từ nhà Thờ Nho Lâm, đến nhà Thờ An Cửu, Tân Dân. Con sông Gò Bồi, chảy từ cửa biển Phước Lý về xóm đạo, đã đầy đầy ghe thuyền. Ban đêm, những ngọn đèn bão bập bùng như ma trơi. Ban ngày, tiếng khu trục gào thét. Xóm Đạo trở mình, xóm đạo bừng bừng ngày kháng chiến. Xóm Đạo đã trở thành một căn cứ. Những phòng tuyến được mọc lên. Tiếng chuông giáo đường không còn là tiếng chuông lễ, nhưng đã trở thành những tiếng chuông báo động. Tiếng chuông Trường Thế, khẩn cấp báo sang Nho Lâm. Thằng bé cũng theo mẹ, vội vã xuống hầm, bịt đôi tay kín bưng, mỗi khi đoàn khu trục bay qua, sà xuống thấp.

Bây giờ, thằng bé năm xưa đã trở lại. Chiến đoàn đã được lệnh hành quân suốt vùng dài mười mấy cây số. Ngày đặt chân xuống phần đất quê hương, người lính bỗng rung rung nước mắt. Anh đã trở lại, thằng con lưu lạc, năm nào mơ tưởng đến một chuyến đi, khi nó đứng trên chiếc cầu đá, nhìn xuống dòng sông xanh. Người mẹ đang quì trong giáo đường, làm sao biết được cái ngày con mình sẽ trở nên một tên lãng tử. Người mẹ, khi cúi đầu, quì gối xuống trước mặt Chúa, làm sao gọi vòng tay Chúa bao bọc che chở đàn con. Người con lớn đã về biên khu, núi rừng trùng điệp, và đã ở bên kia xứ sở của mùa đông. Thằng hai, đã rời xóm đạo, như một cánh chim biệt tích. Mười năm sau, thằng sáu lại ra đi biệt biệt, anh em cũng bỏ xóm đạo mà đi, làm sao mẹ biết, anh em đã trở thành kẻ thù như ngày hôm nay.

Buổi sáng, người lính qua chiếc cầu đầu tiên, đã đồ nát. Cuộc hành quân bắt đầu giờ N. Lệnh mỗi người mang bảy ngày gạo và hai lần cấp số đạn. Đại Hàn đã án ngữ ở hướng núi. Chiếc cầu như một tuyến xuất phát. Và khi bước qua, lòng cầu, rung rung quằn quại, thì anh thấy như in cả quê hương buồn bã của anh chập chờn dưới làn nước. Anh đã thấy rõ, những mái nhà đồ nát, những vách tường loang lỗ, những chiếc nền trống vắng quanh hiu, những ngọn dừa khẳng khiu không có một chiếc lá. Tất cả hình ảnh đang chập chờn dưới ánh nắng mùa hạ. Con sông buổi sáng đã lên cơn thủy triều, chảy triền miên về biển. Anh mỗi một đôi thế súng, cúi chiếc đầu nặng nề mũ sắt, và dừng lại một giây lát.

— Ê, bỏ đi chớ. Sao như kẻ mất hồn thế.

Tiếng thằng bạn đằng sau giục.

Người lính không trả lời. Anh bước đi trong khi tiếng một thằng bạn khác nổi lên :

— Nó đang làm thơ đấy. Đánh giặc mà thơ với thần.

— Chắc nó đói bụng rồi.

Những tiếng lao xao bỗng nhiên tắt lịm, khi tiếng người đại đội trưởng la lên :

— Làm gì mà đồn cục, ồn ào thế. Lại cái thằng thi sĩ này nữa.

Người lính vẫn cúi đầu bước. Anh muốn khóc. Anh không biết tại

sao con tim của anh lại xôn xao, xúc động như thế này. Anh muốn làm một bài thơ nói về một sự trở về của một đứa con lưu lạc. Anh nghe nhịp giầy của mình đang rên rĩ, anh thấy giòng nước xanh đang chảy trong hồn như một giòng kỷ niệm. Khi bước qua con đường đất, gồ ghề đất thịt, anh lại bất chợt nhận ra nóc giáo đường quanh quẽ, dưới hàng cây cổ thụ cằn khô. Ave Maria, hàng chữ đắp lên bức tường vôi trước lầu chuông đã nhạt màu xanh. Một pháo đài đã mọc lên từ lâu trong sân, lộ những dấu tích đẫm đầy nước mắt. Trong nắng mai, vài khóm hoa sứ trắng ẩn hiện bên cạnh lầu chuông. Tiếng người bạn anh, vô tình thốt lên :

— Ở đây ngày xưa chắc là xóm đạo. Sao mà nhiều nhà thờ thế.

Tiếng một người lính khác phụ họa.

— Buồn nhỉ. Nhà thờ gì mà không có lấy một con chiên.

— Thằng này sao ngu vậy. Ai dám đặt chân đến chỗ này.

— Tao nghe nói chỗ này ngày xưa vui lắm. Dân giàu, ruộng lúa cũng nhiều. Mà xem nhà cửa toàn là gạch ngói thông.

Buổi trưa, đại đội anh dừng quân trong ấp ven con đường đất đỏ. Cơm nước trước một giờ. Các bạn anh đang sửa soạn nấu cơm dưới những tàn cây lớn. Khói bốc lên đến nhức mắt. Anh bảo những người bạn trong tổ : tôi không ăn. Các anh ăn đi. Rồi anh khoác vội cây súng, lững thững bước ra sân nhà. Trước mắt anh những đồng ruộng khô cằn, nước nê. Tiếng đại bác câu từ cằn cừ pháo binh vẫn còn nghe rõ ở hướng Nho Lâm. Anh nhìn thấy những mái ngói mờ nhạt trong đám lá xanh trước mặt. Nho Lâm, Nho Lâm, nơi anh đã sống trong những ngày thơ ấu, nơi những cơn hè mùa hè phá giấc ngủ trưa, và những cơn sáo trên nóc giáo đường trở về khi chiều sắp chết. Nho Lâm đang nhìn anh, như một người mẹ đáng thương, ừ ừ chờ đợi con về. Nho Lâm, như ngôi tháp chuông quanh quẽ, và chiếc cầu đá, mà thằng bé ước mơ một chuyến đi xa. Người mẹ đang

qui trước mắt Chúa hài đồng, cầu nguyện cho đàn con lưu lạc. Anh ngắt một nhánh hoa sứ, chậm chạp bước đến. Để chừng, nỗi hồi hộp theo từng bước chân hơn lúc nào hết. Anh nghe từng ngọn cỏ thăm thẳm, từng phiến lá khô trăn trở. Anh nghe tiếng tu hú buồn bã từ một bờ tre, và như thề cời thỉnh thoảng đang vang động tiếng cầu kinh tội nghiệp. Anh đã trở về, thẳng con của mẹ đã trở về mà hồn thì ngập tràn nước mắt.

Anh đã bước vào trong ngôi nhà thờ đạo ấy. Rõ ràng anh nghe tiếng động thật khẽ. Anh thối lui, hướng mũi súng về phía khả nghi. Nhưng không, anh chỉ thấy lũ dơi đang tung cánh loạn xạ, lũ chuột chạy vụt dưới góc tối, đầy mùi mốc ẩm. Hơi lạnh bỗng toát ra làm anh phải rung mình. Anh đứng lại trước điện thờ. Đây là chiếc thập tự giá vẫn còn treo giữa vách trắng, đầy mạng nhện. Đây là những lọ, những khúc đèn sáp la liệt trên điện. Chúa vẫn nhìn xuống, đôi mắt hiền lành, sâu khỗ. Chúa vẫn trải hai tay, gầy ốm như một người bất hạnh nhất của thế gian. Anh đứng lặng đi, nghe ở khóe mắt nóng. Thì ra đôi mắt của anh đã ràn rụa. Một cơn gió Nam mạnh bạo lùa vào, khiến da thịt của anh lạnh run. Anh trở ra, bước về phía nhà sau. Trong mái tranh che tạm, anh bắt gặp một ông già đang cúi đầu chào anh. Ông già cô độc nhất đang còn lại giữa vùng lửa đạn. Ông già đang còn lại trong quê hương anh. Anh nhìn trần trối một lúc, và ngập ngừng hỏi :

— Ông có phải là ông Tám không ?

Ông già, đưa đôi mắt mệt nhọc, vàng trán nhăn giữa một gương mặt ốm gầy :

— Phải.

Anh cầm tay ông già, nói như khóc.

— Cháu là Sáu đây. Cháu con bà Năm đó ông.

Đôi mắt ông già mở lớn, có vẻ sững sờ :

— Cháu là con bà Năm ?

— Dạ.

Anh ngồi bệt trên nền đất, hỏi tiếp :

— Sao ông không tản cư. Ông ở đây một mình sao ?

— Tôi già rồi. Tôi ở lại để trông cái nhà thờ của ông cha mình.

— Ông già và ốm quá. Cháu không nhìn nổi nữa.

— Cháu cũng lớn quá đi. Nếu cháu không nhắc đến bà Năm, thì tôi đâu có biết.

Ông nắm bàn tay anh. Bàn tay kia của ông già run rẩy đặt trên vai người trở về.

— Sao cháu về đây.

— Cháu đi hành quân.

—Ừ nhỉ. Hèn gì mấy bữa nay, súng đạn cứ nổ hoai.

— Ông không sợ sao.

Ông già cười, nụ cười đầy mếu máo :

— Tôi sắp xuống lỗ rồi. Mọi sự có Chúa che chở. Mà đi đâu bây giờ.

Anh không trả lời, nhìn ra sân. Hàng cây sấu đông rạp mình trên bờ thành đen sạm, mốc rêu. Những chiếc lá ngâu li ti rụng, lăn trên nền gạch cũ. Và đằng xa, ruộng đồng nhúc nhối dưới nắng. Phải, anh đang trở về, đang nhìn lại nơi anh sinh ra, lớn lên, nơi một phần cuộc đời của anh gói trọn. Anh nghe lòng mình quặn thắt. Ông Tám, người lão bộc của một đền thờ, ông Tám mà những buổi lễ sớm, ông treo lên tháp chuông, giục những hồi chuông rộn rã. Ông Tám mà những buổi trưa, ra đứng sau giáo đường; đuổi lũ trẻ hoang nghịch, bắn ná vào lũ chim se se trên hàng cây cổ thụ. Ông Tám mà cuộc sống như gửi trọn dưới chân Chúa, đêm ngày sống cô độc giữa xóm đạo năm nào. Anh nhìn vào trong căn nhà nhỏ. Một chiếc giường tre, khuất trong bóng tối. Một bờ lúa, những chai lọ, chiếc võng căng ngang. Đó là sự nghiệp của một ông già cô độc. Anh hỏi về những người thân thuộc, bà con. Anh hỏi về những gương mặt bất chợt uờ ra, như là một kỷ niệm của tuổi nhỏ. Ông Tám thì buồn bã nói về một Xóm Đạo tang tóc, điêu hiu. Đôi mắt ông già mệt mỏi, để chừng cả bầu trời đen tối, đè nặng trên đầu ông. Đó là những ngày Đại Hàn trở về, theo sau những chiếc xe bọc sắt. Đó là những đêm nẫu về, đóng trong nhà thờ, sửa soạn cơm nước. Đó là những lần ông Tám nằm chui dưới giường, nghe đạn trái phá rít bên ngoài. Đó là những lần 1 người trở về, bịt mắt, ngang qua cổng nhà thờ, bị trùng giây vào cổ, và tiếng kêu như tiếng heo bị thọc tiết. Đó là những người áo đen, chân không

trở lại tụ họp trên nền gạch, dưới ánh trắng xanh, cùng nhảy cùng hát cùng hội thảo học tập. Ông già Tám vẫn chậm rãi kể. Điều thuốc rê đã tiếp tục đốt cho những giòong lệ một người con của Chúa. Chúa đã được một người ở lại, bảo bọc che chở. Trong làn khói thuốc, anh thấy gương mặt ông già lung linh mờ ảo. Để chừng, một ngày nào đó, anh còn ngồi bên cạnh ông già, trên thềm nhà thờ, để nghe ông già kể lại chuyện Đức Chúa Trời ở một phương trời Jéusalem, về Đức mẹ Maria nhỏ nước mắt bên thành La Mã, về những con sáo từ cánh đồng xa, mang theo tin buồn một kẻ đã chết. Anh ngồi sát lại hơn. Nắng càng đỏ xiên, chói vào lòng giáo đường. Chiếc cầu đá, vẫn bắt ngang giòong sông cô quạnh. Một vài ngôi mộ trắng nổi lên, trơ chiếc thập tự giá dưới bóng cây mù u. Ông già vẫn ngồi bất động. Chợt ông nhớ ra điều gì, nói lớn :

— Có một đêm cách đây không lâu, anh Hai của mày có về đây, gặp tao. Nó hỏi mày, đó Sáu. Nó đội mũ cối, mang dép Bình trị Thiên, mang súng báng ngắn.

Anh chụp vai ông già, hỏi lại :

— Thiệt không bác.

— Thiệt chớ. Ban đầu tao không tin, nhưng về sau nó có kẻ bà Năm nó kể mày. Tao mới biết.

Người lính đứng dậy, như kẻ mất hồn. Bóng anh in lên nền gạch, hòa lẫn bóng cây sâu đông. Anh bước ra sân, đến chiếc cầu đá. Rồi anh cúi đầu xuống nhìn giòong nước xanh. Tiếng đại bác vẫn ầm ỉ nổ. Cuộc hành quân vẫn còn tiếp tục kéo dài. Đoàn trực thăng đã rền vang trên bầu trời chói chang. Anh như người sực tỉnh. Anh vội vàng cầm súng chạy về chỗ đóng quân. Nhưng đại đội anh đã di chuyển từ lúc nào rồi. Anh vội vàng chụp mũ sắt, vội vàng chạy như một kẻ mất hồn. Anh vừa thở vừa chạy. Đằng sau anh, đoàn xe bọc sắt đang rầm rầm vượt qua cánh đồng bát ngát.

trần hoài thư
tháng 8-70

HUỲNH PHAN ANH

thơ

TRONG CUỘC ĐỜI VẮNG BÓNG

Em hãy một lần
Miệt khinh ánh sáng
Em hãy một lần
Đến với kẻ không từng tận mặt
(Niềm im lặng của đá
Trong dằng-dặc đêm thâu)
Bởi bóng tối
Là đam mê một đời người
Nơi em có thể gặp
Những khuôn mặt
Một lần đánh rơi
Những tiếng nói
Một lần tuột-hẫng

●

Hãy đến với tôi
 Như một cánh chim
 Bay từ mộng寐
 Vùng lãng quên của trí nhớ
 Vùng trí nhớ của lãng quên
 Đến với tôi
 Kể bên một ngọn lửa
 Trong tận cùng một bóng đêm

●

Hãy đập tan hình hài
 Cho vỡ nghĩa một niềm vui
 Ôi mỗi chúng ta
 Trong cuộc đời vắng bóng
 Chưa sống đến một lần
 Bởi hoài hoài phải chết
 Ôi mỗi chúng ta
 Một niềm cô độc
 Cháy mãi không nguôi

●

Kể một lần mở mắt
 Ôm mặt khóc đời đời
 Và lệ kia
 Một giọng vĩnh cửu

●

Tôi từng phút chạm mặt
 Tôi từng phút vẫy chào
 Một kẻ trong tôi thịnh nộ
 Một thế giới trong tôi thét gào
 Một đám đông trong tôi tàn sát

●

Quanh tôi giờ đang cháy
 Những mảnh vụn linh hồn mình

●

Tôi gọi mãi không thôi
 Niềm cô đơn
 Sau cánh cửa
 Lạ mặt
 Tôi đợi mãi một mình
 Khóc hết đời thơ ngây
 Máu kia là tiếng nói

●

Kể khóc cô đơn
 Thấy hồn mình đông đảo

●

Kẻ một đời giấu mặt
 Trong tấm gương đời bát ngát
 Cất tiếng nói đầu tiên
 Đọc bản chúc thư mình
 Giữa một ngày mừng tuổi.

TRONG MƯA MÙ THỂ GIỚI

●

Giữa cuộc đời này
 Xin hãy đến
 Chung góp cô đơn
 Là sự thật mỗi người
 Và im lặng
 Là máu tươi
 Chảy hoài niềm hao hụt

●

Tôi nói mặt trời
 Và thịt da tôi bốc cháy
 Tôi nói mặt trời
 Và con người tôi vụn vỡ
 Ôi những mặt trời lạnh
 Những buổi mai xanh
 Những nẻo đường trí nhớ

●

Gian phòng trống
 Ở cuối đường lang thang
 Tôi trở về
 Trên những bước ra đi
 Ôi đời sống
 Những vòng tròn buồn bã

●

Chiều đứng rũ

●

Ai đếm cho tôi
 Từng ảo tưởng
 Rơi xuống
 Cùng với mặt trời
 Rơi xuống
 Cùng với bước chân
 Bỏ lại
 Sau từng cánh cửa
 Một linh hồn
 Đang giấu mặt
 Một bóng tối
 Đang ghen lời
 Bỏ lại
 Quờ quạng bóng hình tôi

●

Đêm cùng với que diêm
 Đã cháy

Và người ngồi đó thấy không
Một mình
Cùng nỗi nhớ
— Những mặt mày những tên gọi —
Trời xa

•
Đêm quanh tôi
Với những khoảnh khắc bình bình
Đêm trong tôi
Như trái tim như nát
Đêm mở lớn
Những con mắt nghi ngờ
Tôi tự hỏi
Kẻ cùng tôi hẹn hò
Có cùng tôi sống thật

•
Đâu những ngưỡng cửa
Tôi mãi mãi ngập ngừng
Nhìn cõi ngoài mộng ảo

•
Tiếng ai cười rũ rượi
Bên kia lầu cách ngăn
Tôi ngủ dưới chân tường
Trong mưa mù thế giới

huỳnh phan anh

TÚY HỒNG

những sợi sắc không

(truyện dài — tiếp theo)

Trầm nhìn lên cuốn lịch. Ngày Tây và ngày ta cùng là ngày hai mươi sáu. Trầm quát ngăm vì ngày âm và ngày dương trùng nhau mà mấy bữa nay mình xui xẻo đen đui. Hôm kia mới bị Sinh đá cho một trận đừ đầu. Sáng nay ngủ dậy mắt còn cay xè, miệng còn chát ngăm, tóc còn rối bù, hai lỗ tai đã hứng đầy những câu chửi rửa của Cổ May. Cái mạng đến hồi mặt rồi. Trời ơi, bộ mặt Sinh thì như đầu đẽ, bộ mặt của Cổ May thì như trứng đạn. Trước mặt mình là hai sự trình diện đau thương, hai trận đòn tàn nhẫn, hai cuộc đánh úp phũ phàng. Hai trận đánh lớn vừa xảy ra trên căn phần mình và hai keo mình đều thua ức quá!

— Cổ May ơi, không biết điều, không biết lẽ phải, không luân lý, không nết na là tau... Tau đã tự đào hố giữa tội mình... Tất cả đã vượt khỏi tay tau rồi... bây giờ chỉ còn một người bạn để chơi mà tau cũng không giữ nổi.

Cổ May cố cười:

— Mi cân xứng với Trương hơn tau vì mi cũng có máu khùng bất thường như Trương. Tau xét lại rồi, tau đừng nên ghen với mi mới phải. Cữ chỉ bù lu bù loa của tau vừa rồi

những trách móc dài như còi tàu của tau vừa rồi thật thường tình nhĩ nữ quá xá... Mi bị phiền phức, mi bị tổn thương. Rồi nhau rồi, tau và Trương không còn quyền hành gì đối với nhau nữa..., tau thiệt chương, tau thiệt dĩ... Giữa tau với Trương bây giờ chỉ là một khoảng không, mi hay ai cũng đều có quyền chiếm Trương... Tau đồ ghê tương thiệt vô lý hết sức... Chị em ruột mà người ta còn cướp chồng nhau nữa là...

Trầm làm thinh, Cỏ May tiếp:

— Giữa tau với Trương bây giờ chỉ còn là một khoảng vô vi... Còn vớt vát gì được nữa mà ghen tuông... Ghen tuông bậy làm cực lòng cả hai đứa. Thôi, hãy coi như không có chuyện gì xảy ra giữa hai đứa hết. Hôm nay tao chỉ đến đây... đến đây... Hừ... ở đây vừa xảy ra một cuộc bàn giao... Bây giờ là phải nhường nhịn, trong những cuộc nhường nhịn, có lẽ cuộc nhường nhịn về tình yêu là đẹp nhất vậy mà tau không làm được, vậy mà đàn bà không làm được. Tính nết tau xấu tuyệt, bạn bè chỉ chứng minh mà bạn bè Trầm hí, người ngoài cười chúng mình biết mấy là mấy. Tau không quân tử với mi một tí nào cả. Tau không dành cho mi một tối thiếu hy sinh nào cả. Thấy mi được hạnh phúc, tau lại ngứa ngáy ghen tuông. Tau đã quên rằng trong tình yêu không có sự độc quyền, tau không biết tôn thờ cho mi, không biết san sẻ cùng mi, mà tau cứ khư khư giữ một sự chiếm cứ bất công, một sự chiếm cứ đã man, trắng trợn. Trong tình yêu không có một sự thôn tính thế xác, không có một sự hãm hiếp tinh thần. Không ai có thể nói người đàn ông này là của tôi. Không ai có thể nói người đàn bà này là của tôi. Của chung. Đàn ông cũng như đàn bà đều là của chung. Cái lỗi cũng như cái lỗi đều là của chung. Tau ngây thơ tau cứ tưởng yêu một lần rồi đứng tim chết ngắt. Tau ngu ngơ tau cứ nghĩ nói tiếng yêu một phát rồi cứng hàm hơi hực... Trầm ơi, người ngoài cười chết, người ngoài cười chúng mình chà đạp, dày xéo danh dự nhau, phá thối danh dự nhau...

Trầm khóc như một người đàn bà thành thật nhất nước Tàu. Bây giờ là lúc cười gượng cũng không được nữa rồi, đóng kịch cũng không được nữa rồi. Thời gian là nước thiên nhiên chảy vào thung lũng trí nhớ xóa mờ những nét nổi tạc ghi, thời gian

còn là nước chua không nếm được để lau rửa kỷ ức. Nhưng, Trầm có kỷ niệm, kỷ niệm và Trầm cùng sống nếu không cùng chết.

Đôi mắt người đàn bà sáng trưng trên một màn ảnh nhỏ.

Nhà giam gồm ba phòng được ngăn chia bởi hai tấm gót. Cỏ May quay lại khi tiếng vỗ tay đôm đốp từ cuối dãy. Hạo lắc lắc cái đầu còn Phiến thì gật gật cái cổ. Ân đang cười lớn và Trương lại tủm tỉm lấy duyên. Trầm vỗ tay é é Cỏ May vào đáy quần ta vui ta vui. Trầm cúi đầu chỉ chỗ phân trần này Cỏ May phân xử xem hai thằng cha Vinh với Ân này đang dở trò tán tỉnh tôi đây, ve vãn tôi đây. Ngày này anh Ân, ngày này anh Vinh... nếu một trong hai anh với tôi mà có trời đạt vào một hoang đảo nào, chắc cũng không thề nào... không thề nào... Ân cãi bướng không không bợn này ăn cơm nguội, ăn cơm nguội... đôi đàn bà quá nên thấy cô Trầm đẹp với tán chơi... Ồ ồ nếu cô Trầm không ưng ý thì bọn này quay sang có Cỏ May vậy. Ôi chà, đúng là một cuộc tán gái này lửa, cuộc tán gái sấm sét qua cơn giông rồi là hết, là dứt tuyệt căn nọc, và mãi từ ra ai đi đường nấy. Ở ở không biết khi được thả ra rồi có còn tán gái được nữa không? e rằng thiên tài bị rỉ sắt ăn mòn đi mất... Thôi đi cha... Khỉ nào lại có thứ khỉ không biết trèo... đúng, khỉ nào lại có thứ khỉ không biết trèo đàn bà. Hường hấp tấp sẵn tới trước mặt Cỏ May cong người như con tôm chào một cái. Cả bọn cười hỗn loạn. Vui như thật. Trầm mở sọt dây thun cột tóc ra nhanh nhẹn bước ba bước đến tựa lưng vào bức tường ôm bụng cười rũ rượi. Nàng nhanh nhẩu nghĩ rằng hình như bao nhiêu tiếng cười cũng đều xuất phát từ bụng. Bởi đó nên cười quá độ thì đau bụng. Làm đàn bà ai chẳng đau bụng kinh niên. Có hơn một ngàn lẻ một thứ đau bụng dành làm tặng phẩm cho phụ nữ. Tây Thi đau bụng máu không biết là nguyên khởi hay hậu khởi. Tây Thi đau bụng máu từ tuổi dậy thì, cơn đau lớn cùng đi đôi với đường kinh ra nhiều và máu có cục... Hường nói tới yêu cô Trầm với tất cả độ nóng của mùa hè và với tất cả độ lạnh của mùa đông. Tôi không phải là thứ đàn ông thấy chữa không cười, thấy chết không cứu... Cỏ May cười vỡ ra với hết cả thể tích chiếc miệng. Bác sĩ Nghê nói với sang cô ơi có ời cho tui xin hai trái mần cầu treo đó kia, treo đó... đó, hai trái mần cầu của cô đó mà... Thiên thai, chúng

em xin dâng hai chàng trái cầu dai. Gió heo may ơi ! Nhiệt độ ở hang sâu thật âm thấp và ẩm áp, ba mươi bảy độ. Cỏ May chợt bàng hoàng, nụ cười chợt dịu xuống, những thớ thịt trên mặt duỗi ra, hai má nóng ran, hai mắt sáng choang. Nàng nói lớn rằng cả bọn tú tội này hôm nay đỡ chừng chơi trò tán gái. A ha... ba thằng cha non dại tán gái thì trắng đẹp, nước đẹp, trời đẹp, bông đẹp, áo quần đẹp, tóc đẹp, chỉ tay lung tung cái gì cũng đẹp, mà quên quách rằng mình đang bày cái mặt ngổ ra, còn ba thằng cha từng trải thâm hậu, ranh mương, liến xáo, như cái lũ này chẳng hạn, thì, đất là đất, đá là đá, em là em, tôi là tôi, trời tròng mắt trên cao, và, ta ở dưới thấp, đồ có nói gian được một câu. Thiệt thà chắc nịch như lẽ củi không phết qua một quệt son tô màu nhỉnh bọ, tòn hót. A ha... có Cỏ May ơi, tôi sẽ về bóp cổ vợ, thả trôi con để được ngủ với cô trọn đời. Cỏ May đưa tay vuốt tóc và đóng đưa đôi mắt ướt, vắn vẹo cái đầu cười duyên. Nàng hỏi anh Hạo ơi có phải người đàn bà khi lạy có một vẻ đẹp riêng, khi ăn đồ chua có một vẻ đẹp riêng, và khi liếc trai thì đẹp hơn bao giờ hết phải không ? Thôi đi, Cỏ May im đi để hân hạnh nghe bao nhiêu là bản tuyên ngôn đây này. Em ơi em, tình yêu dân hai ta thành một cặp khăng khít, cứng ngắt, ngựa xé không ra, rắn mổ không thả. Em tôi như hòn đá chờ chồng về ngủ... Ôi ôi thôi... cha tôi chết rồi... vì vì này giờ tụi này la hét linh đình thế này mà riêng anh Trương vẫn gan lì im ỉm như viên gạch nung. Nói lên, nói lên... anh Trương không thể không ra một tờ tuyên ngôn được. Xin một tí tuyên ngôn, một tí tí tuyên ngôn, tuyên ngôn nhân ngãi, nhân tình và nhân dục. Này anh Trương ơi... anh hãy tán đi, chim đi, ve đi, lấy đi, con gái đó, con gái Việt Nam nguyên vẹn... và đã nguyên vẹn thì chưa lấy Tây, lấy Tàu, Nhật, Mèo chỉ hết trơn, và chưa lấy cả Việt Nam nữa.

Trương vội sửa gọng kính tiến lên từ từ và chắc như núi :

— Con lạy mẹ !

Trầm lưỡng lưỡng. Cỏ May run rẩy. Mép miệng Trầm ướm rịn mồ hôi và mắt nàng ngán ngán giọt khóc nóng hổi. Trương đang đứng trước Cỏ May. Trầm đứng cách xa Trương đến 5 viên gạch bóng dưới chân. Trầm vừa bước lên hai bước thì Cỏ May đã đứng đặc đặt bàn tay lên tóc Trương :

— Con trai của mẹ đã lớn đến chừng này rồi.

Đôi mắt người đàn bà thời không nhìn và màn ảnh nhỏ tự bôi xóa. Ngày ở tù rõ ràng có một cuộc chạy đua và Cỏ May đã nhào vào Trương. Ngày ở tù rõ ràng có hai thí sinh và Cỏ May đã trúng tuyển. Cỏ May tới bên Trương trước mình. Cỏ May như Sơn tinh, mình như Thủy tinh. Trương yêu Cỏ May còn mình đi lui. Trương yêu Cỏ May còn không ai yêu mình hết.

Trầm lăm lì hút thuốc lá rồi nói :

— Thiệt là thú, thú ồm, thú như lá mơ lông, cả đời tau chưa làm một chuyện chi thú bằng chuyện ni.. Nhưng, tau chưa đến lúc ý ra, lì ra. Tau phải lấy lẽ phải mà đối đãi với mi vì tấm lòng tốt tuyệt trần của mi. Bây giờ không còn chối cãi gì nữa là tau không thoát khỏi sự quyến rũ của Trương, là mi vẫn còn yêu Trương nóng hổi, đỏ ối. Bây giờ đã rõ ràng cái mặt mi, cái mặt tau, nước mắt mi, nước mắt tau, Bây giờ, của thiên phải trả địa, của César phải trả về César. Trương là của mi. Đoạn đầu, Trương là của mi, đoạn giữa Trương là của mi thì đoạn cuối Trương phải là của mi. Mi vẫn còn yêu Trương đỏ rực, sôi bỏng. Trương vẫn còn yêu mi say máu, cuồng óc... Tau đi lui như ngày còn ở trong tù tau đã đi lui.

Cỏ May lạnh lùng :

— Tau không lấy Trương !

— Tau lại càng không lấy Trương.

Đôi mắt Cỏ May trong ve, nước da vàng vàng trắng mát. Trầm nghĩ chắc Cỏ May đau gan. Gan thì đau, tim thì yếu, phổi thì lép, tình yêu thì trốn chạy. Sống chi mà rầu đời.

Trầm nhìn ra cây sầu đông giá xa tít rồi nhìn cây bưởi vừa vắn, cao mập mé đầu hồi, cảnh tòa hình quạt mở sum sê những lá hình bầu dục dày mà xanh. Những cây măng cầu lá thật đẹp. Những cây măng cầu lá tanh và cay.

Trầm nhìn bạn :

— Giữa chúng mình sóng gió đã hết chưa May ?

— Tau hết bản tiện rồi.

Trầm cười, hút điếu thuốc lá khác. Trầm chưa súc miệng, lưỡi đắng chát. Trầm đánh răng thật kỹ ban đêm, sáng dậy súc miệng bằng nước trà. Trầm đưa mắt nhìn lên trời đoán thời

tiết và Trầm nhớ lại giờ phút này, những kẻ đồng hương với Trầm cũng đang nhìn trời mà đoán gió đoán mưa. Quê Trầm là biển, biển mặn, biển đậm đà, biển động tĩnh. Trầm đã từng giờ, từng phút thơ thần ngoài bãi trong những lúc nghỉ chài phơi lưới, chứng kiến những cái tầm thường mà nói lên bao ý nghĩa của biển mạnh, biển rạt rào, biển hiền từ. Biển vỗ tay khi thơ ngây tuổi thơ nô đùa đánh vòng bên mép sóng, biển reo cười trước cái nhịp nhàng in bóng lưới khô phơi trên cát. Những mảnh lưới mềm mại đong đưa như còn luyện tiếc phút giây tạ từ nước mặn trong cuộc du lịch ngoài trùng dương rộng. Biển hiện hữu trên bắp thịt cuộn cuộn đã nhỏ giọt mồ hôi chua xuống lòng nước mặn.

Cỏ May lại kêu :

- Tau hết bản tiện rồi, tau vẫn bại trận
- Mi đại thắng, mi buông tha kẻ thù.
- Tau không có kẻ thù.
- Lòng mi cao, mi đã cảm hóa được tau.
- Tau đã ti tiện với mi.
- Mi độ lượng vô cùng.
- Đã có chiến tranh rồi, chúng ta còn đánh nhau nữa.
- Ngoài chiến tranh ra, không còn ai đánh nhau đâu.
- Chúng mình đang trở lại trạng thái thường.
- Giữa chúng mình từ phút đầu, vẫn không có gì xảy ra cả.

Trầm sửa soạn cái bàn lọc cà phê, Cỏ May à, hôm qua thắng Phấn lại đây cho tau mượn cái pha cà phê bằng điện. Cà phê không chảy từng giọt lòng mà đọng thành hơi, mình uống cái hơi đó. Tau phải cái tật nghiện cà phê, mà cà phê bỏ không được. Cỏ May hỏi mi vô Saigon mua cà phê về pha há ? Cà phê ở đây dở lắm vì cả thành phố này không chịu chơi. Trầm ơi thôi tau về, trưa nay cúng mẹ tau.

Trầm đưa tách cà phê lên môi. Khi cảm thấy đắng Trầm mới nghĩ ra là quên cho đường. Lòng mình không lưng, không đầy, không khô, không ướt, không buồn, không vui, không mê, cũng không chán. Trầm nhìn ra không gian hiền. Một con bướm bự điểm chấm nâu, chấm đen, chấm trắng đậu ở cây cam. Một con lợn vườn đi lang thang, tự do, tùy theo hai đôi chân hững.

Có tiếng cạch cạch ở cửa, Trầm đi ra, Trầm nói như thở :
— Anh.

Trương bước vô. Trầm ngồi xuống ghế chống tay lên bàn :

— Đờ chồn ! Đờ anh là một con chồn ! Đờ đầu người đuôi cáo... Đờ đều ! Đờ làm cho con người ta hóa đá !

Trương đẩy gọng kính lên tóc, đôi mắt chàng đỏ ngầu như mắt của những thanh niên miền biển.

Trương đập bàn :

— Nói cái gì... Nói ba láp ba xàm chi đó. Hôm nay ta đến đây hỏi chuyện mình đây... Ta chưa hỏi chuyện nhà người, nhà người đã nạt nộ ta...

— Đờ chồn ! Đờ anh là một con chồn. Đờ đầu người đuôi cáo !.. Vì anh mà tôi mang tiếng xấu với một người đàn bà, tôi lừa gạt một người đàn bà, tôi phỉnh phờ một người đàn bà.

— Nói chi nói chi ? Chẳng ra cái chi hết, chẳng hiểu cái chi hết ?

Trầm mím môi :

— Tại anh, vì anh... Trầm tội tài anh...

Trương chồm lên :

— Mà chuyện chi ? Có chuyện chi ? Vì tôi mà cô mang tiếng xấu với một người đàn bà, cô phản bội một người đàn bà, cô phỉnh phờ một người đàn bà... Vậy, người đàn bà đó là ai ?

— Là Cỏ May... Anh làm Cỏ May cực, tôi làm Cỏ May cực. Anh làm tôi mang tội với đàn bà. Anh làm tôi mang tiếng xấu đối với một người đàn bà.

túy hồng

(còn tiếp)

thời sự và

sinh hoạt

● Nhà văn và Nhà nước

Thường thì các nhà văn ít khi chịu hợp tác với nhà nước, với chính quyền, bởi vì họ tự dành lấy cái hãnh diện là ý thức của đám đông. Hợp tác với giai cấp lãnh đạo tức là dù muốn dù không đã đứng về phía thiểu số so với đa số còn lại. Chả thế mà một vài người Việt ở miền Nam hiện nay, khi tự dành lấy cho mình cái quyền đối lập với chính quyền, đã gán ghép cho một số người người viết khác phe nhóm là những nhà văn, nhà thơ của nhà nước.

Trường hợp nhà văn André Malraux, kẻ đã ăn nằm với bao nhiêu cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, từ Trung Hoa cho đến Tây Ban Nha, tác giả những cuốn sách nổi tiếng như Những kẻ chinh phục, Phận người, Hy vọng,... sau cùng trở nên một « Gaulliste » (một người theo chế độ De Gaulle) và giữ chức Bộ trưởng bộ Giáo dục Văn Hóa của Tổng Thống De Gaulle, trường hợp « trở giáo quy hàng » của A. Malraux cũng đã làm nhiều người thắc mắc. Janine Mossuz, trong một cuốn sách nhan đề : « André Malraux và chế độ De Gaulle » đã vạch rõ con đường « thăng quan », trở

thành « nhà văn của nhà nước » của A. Malraux, một hành trình dài hoàn toàn có tính cách cá nhân, trong đó lẫn lộn nào là Lịch sử, Siêu hình học, Chính trị, Văn chương, Nghệ thuật...

A. Malraux gặp De Gaulle vào năm 1945, những năm đầu của cuộc kháng chiến. Theo Janine Mossuz, De Gaulle trở thành « người hùng » của André Malraux và cả hai càng thân thiết với nhau hơn vì những gắn bó với những từ ngữ như tự do, tình anh em, và quyền uy. « Tất cả đời, tôi tìm kiếm sự tự do », nhân vật Garine trong Những kẻ chinh phục của André Malraux đã phát biểu như vậy.

Trong thời kỳ kháng chiến những hoài bão trên thật dễ hiểu và còn là ý nghĩa của cuộc chiến đấu chống Đức. Hòa bình cũng chẳng thay đổi gì được : Dân tộc Pháp, nhất là đa số dân chúng ở những giai cấp bị thua sút lại càng phải quy thành một khối để cùng viết lên những trang sử oai hùng khác ít ra cũng là cho Âu Châu và sau nữa cho toàn thể nhân loại. Huyền thoại Gaullisme chính là huyền thoại và một nguyên động lực tối cao dẫn dắt tất cả dân tộc Pháp trong ước muốn mang lại ý nghĩa cho cuộc đời. Nó còn tượng trưng cho cả cuộc chiến đấu chống lại Cái Chết nữa.

Janine Mossuz không được giản lược cuộc gặp gỡ André Malraux và De Gaulle như là cuộc gặp gỡ hai thiên tài, hoặc hai « tiên tri », cũng không coi sự việc A. Malraux nhà văn trở nên người của chính quyền như là một lỡ bước của ông, một sa ngã vào chốn chính trường. A. Malraux chỉ muốn một điều là nước Pháp sẽ chứng tỏ cho Cựu Đại Lục thấy rõ con đường trở thành của một nền văn minh mới, khác biệt hẳn nền văn minh của Nga, đã hoàn toàn lầm lạc với chủ nghĩa Staline, hoặc của khối Mỹ.

Cuộc khủng hoảng văn minh Tây phương bắt đầu với hiện tượng Tháng Năm 1968 (hiện tượng sinh viên xuống đường), tiếp theo là sự thất bại, khăn gói quả mướp ra đi của Tổng Thống Pháp De Gaulle, cả hai yếu tố bất ngờ đó đã chấm dứt luôn « Mission Impossible » của « chủ thuyết De Gaulle » cùng vai trò Nhà văn Tổng trưởng của A. Malraux.

● Chết vì tình

Câu chuyện cô giáo người Pháp Gabrielle Russier say mê một người học trò trai của nàng đến phải tù tội rồi sau cùng tự tử chết nay được nhà đạo diễn André Cayatte quay thành phim với nhan đề Chết vì tình. Trong khi quay cuốn phim ông đã bị cấm lui tới những nhà tù, trường học và tòa án chỉ vì yếu tố thời sự của cuốn phim.

Được hỏi tại sao không đặt tên phim là Vụ án Russier như lúc dự định, A. Cayatte đã trả lời ông không muốn cuốn phim phải theo sát thời sự, không muốn kể lại bằng hình ảnh một « tin vật » thuộc loại Từ thành tới tỉnh ở trong những nhật báo. Cuốn phim mà thời sự tình chỉ như một cái cớ, đã là dịp để công chúng xét lại nền công lý, tư pháp của nước Pháp từ thời Nã Phá Luân để lại tới giờ, một nền tư pháp luộm thuộm đã gây nên cái chết cho cô giáo đa tình Russier.

Diễn viên chính của cuốn phim là Annie Girardot. Vụ án Gabrielle Russier thực ra đã vượt quá tầm mức của một tin vật. Nó gây sôi nổi ở Pháp đến nỗi Tổng Thống Pháp Pompidou phải xúc động ngâm thơ P. Eluard để phân ưu ? Cả cái nhan đề Chết vì Tình của phim cũng đã mượn từ thơ Paul Eluard. Ở Việt Nam, một câu chuyện tương tự như vậy cũng đã được một nữ tác giả đề cập tới và cuốn tiểu thuyết của bà đã gây nhiều tiếng động, trong cũng như ngoài văn chương. Ngay cả nhà văn kiêm chức Tổng Thư ký tòa soạn của báo Văn Đề cũng bị cái chết của Gabrielle Russier ám ảnh nên đã mượn dịp đề tạo nên một cuốn tiểu thuyết đăng báo nhan đề Giác Ngủ.

Vấn đề Tự tử từ xưa đến nay vẫn là một đề tài triết học lớn. Camus chẳng đã mở đầu tập luận đề triết học của ông bằng câu suy nghĩ xem cuộc đời đáng sống hay không là trả lời câu hỏi căn bản của Triết học. Michel Foucault, một triết gia Pháp hiện tại lại cho rằng Tự tử là phán đoán cuối cùng của trí tưởng tượng ! (Le jugement dernier de l'imagination).

Tự tử « thường » đã vậy, huống hồ tự tử vì tình !

tuấn anh

- Truyền một cô gái Huế « cao số » đi « vòng vo » quanh những liên hệ với chồng con, cha mẹ, các em gái..., với cả những người tình cũ và mới.

- Tôi nằm xây lưng lại với chồng, tôi mở to đôi mắt,

tôi nhìn tôi trên vách

- Tác phẩm sôi nổi nhất, đã từng thu hút hàng chục ngàn độc giả, của cây bút phụ nữ hàng đầu hiện nay :

TÚY - HỒNG

- Lần đầu in thành sách, do ĐỒNG-NAI xuất bản và tổng phát hành trên toàn quốc.
- Sách dày 448 trang -- Giá chống-kiếm-ước: 360 đồng.

Đầu tháng 10, xin kính mời Người đọc :

Đất Việt Thơ Người Việt
thơ TUỆ ĐÀM TỬ

- Những Giòng Thơ Của Một Người Việt Yêu Nước
- Một tâm trạng của vị Tu Sĩ áo vàng trước thảm trạng Việt Nam
- Xin liên lạc . Đại Đức Giác Lượng, tịnh xá Ngọc Duyên, Xã Đập đá, quận An Nhơn, tỉnh Bình Định.